



**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
DAMSAN JSC**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
THÔNG TIN CHUNG	
Thông tin khái quát	7
Định hướng phát triển	8
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Cơ cấu tổ chức	14
Các rủi ro	18
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	24
Tổ chức và nhân sự	26
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	32
Tình hình tài chính	33
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	36
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	40
Tình hình tài chính	42
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	44
Kế hoạch phát triển trong tương lai	44
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	50
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc	52
Kế hoạch định hướng của HĐQT	53
QUẢN TRỊ CÔNG TY	
Hoạt động của Hội đồng quản trị	56
Hoạt động của Ban Kiểm soát	58
Lương, thù lao của Ban lãnh đạo	60
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	62
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	70

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

HĐQT	Hội đồng quản trị
TGD	Tổng Giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
GCN ĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHNN	Ngân hàng nhà nước
TT	Thông tư



THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và người lao động,

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Damsan. Chúng tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm qua và chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Năm 2018 đã khép lại với những kết quả khả quan của nền kinh tế. Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tương đối tốt, tiêu dùng cá nhân tăng, sự phát triển bền vững của đầu tư toàn cầu, sự cải thiện của thị trường lao động. Tuy nhiên, căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn, nhất là chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp, cùng với sự gia tăng xu hướng bảo hộ mậu dịch của các nước lớn, đặc biệt là những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ đã tác động đến sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Điều này cũng gây ảnh hưởng đặc biệt với những doanh nghiệp nhập khẩu nguyên vật liệu từ các nước trên thế giới và xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài như Công ty Cổ phần Damsan.

Kinh tế trong nước đạt tốc độ tăng trưởng ổn định, môi trường đầu tư tốt đồng thời vị thế trên trường quốc tế ngày càng được củng cố. Kinh tế Việt Nam năm 2018 đạt nhiều kết quả tích cực, GDP đạt 7,08% cao nhất trong 10 năm qua. Ngành dệt may trong năm 2018 đã có bước tăng trưởng cao hơn cùng kỳ so với năm 2017, có nhiều cơ hội và triển vọng phát triển. Tuy vậy, nguồn nguyên vật liệu chủ yếu vẫn phải nhập khẩu, kéo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành dệt may và của Damsan bị phụ thuộc rất nhiều vào thị trường cung cấp nguồn nguyên liệu của nước ngoài.

Trong bối cảnh kinh tế đó, Công ty Cổ phần Damsan luôn nỗ lực cố gắng tìm cách khắc phục các khó khăn và thách thức. Với sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Damsan trong năm 2018 đạt được kết quả đáng ghi nhận: Doanh thu thuần đạt hơn 1.839 tỷ đồng, tăng 22,39 % so với năm 2017; tổng tài sản đạt 1.712 tỷ đồng, tăng 9,39% so với năm 2017. Tuy nhiên trước những biến động khó lường của nền kinh tế, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt hơn 62,5 tỷ đồng, giảm 10,21% so với năm 2017.

Năm 2019 sẽ là một năm đầy hứa hẹn của Công ty sau khi Việt Nam tham gia Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Vì vậy mục tiêu hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2019 sẽ là đạt mức doanh thu 1.750 tỷ đồng và trả cổ tức 20% cho quý cổ đông.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Damsan, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã đóng góp tích cực, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong suốt hơn 10 năm qua. Trong thời gian tới, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ tích cực từ Quý vị. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng của Quý vị, Công ty sẽ vượt qua được những khó khăn hiện tại và ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Xin chân thành cảm ơn!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VŨ HUY ĐÔNG

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Định hướng phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Cơ cấu tổ chức
Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty : Công ty Cổ phần Damsan
Tên tiếng anh : DAMSAN JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : Damsan JSC

Logo :



Địa chỉ : Lô A4, Đường Bùi Viện, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình
Số điện thoại : 0363.642.311
Số fax : 0363.642.312
Website : <http://damsanjsc.vn>
Giấy chứng nhận ĐKKD số : 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 07/03/2018
Mã cổ phiếu : ADS
Vốn điều lệ : 255.178.010.000 đồng

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành với cốt lõi là dệt may và bất động sản.



SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện. Lấy tầng lớp thu nhập trung lưu và thu nhập thấp làm trung tâm.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Phục Vụ khách hàng: Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.
- Đồng Tâm Hiệp Lực: Mỗi người trong DamSan cần chung sức cùng nhau hướng tới mục tiêu phát triển bền vững
- Liên Tục Cầu Tiến: Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.
- Cùng nhau Phát Triển: Gắn kết sự phát triển của DAMSAN với mọi người trong xã hội và mỗi cán bộ công nhân viên DAMSAN

CÁC CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

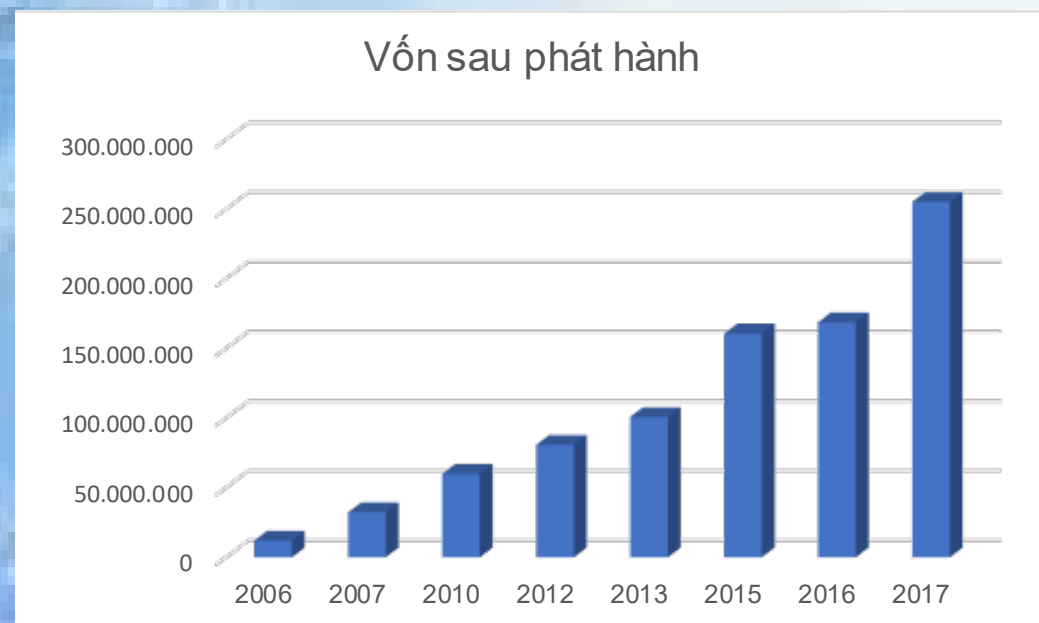
- Cung ứng sản phẩm chất lượng cao với mức giá cạnh tranh
- Vươn lên nhóm dẫn đầu thị trường về dệt may và bất động sản
- Đạt tốc độ tăng trưởng cao và duy trì tình hình tài chính lành mạnh
- Đầu tư vào cơ sở vật chất hiện đại tân tiến nhất tại mỗi thời điểm đầu tư
- Xây dựng đội ngũ lao động lành nghề và trung thành
- Tạo lập hệ thống quản trị hiện đại và văn hóa doanh nghiệp lành mạnh
- Hội nhập và phục vụ toàn cầu
- Công ty phát triển theo luật pháp và luôn vì lợi ích của cổ đông cùng toàn thể người lao động trong công ty
- Trách nhiệm xã hội, từ thiện cùng cộng đồng chung tay để giải quyết khó khăn của xã hội

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Thời gian phát hành	Mục đích phát hành	Vốn sau phát hành
12/06/2006	Vốn điều lệ đăng kí thành lập	12.000.000
10/08/2007	Cổ đông hiện hữu	32.329.000
20/08/2010	Cổ đông hiện hữu	60.000.000
21/06/2012	Phát hành riêng lẻ	80.700.000
24/06/2013	Phát hành riêng lẻ	100.700.000
23/10/2015	Phát hành riêng lẻ	160.700.000
08/11/2016	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	168.734.810
13/12/2017	Cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ	255.178.010



CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

2009

Công ty đạt danh hiệu “Doanh nghiệp Việt Nam vàng”

2013

Giải thưởng Sao vàng Đất Việt
Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế

2014

Tập thể CBCNV CTCP Damsan nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

2017

Top 500 Các doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận lớn nhất Việt Nam
Top 50 Công ty Việt Nam thịnh vượng có tốc độ phát triển nhanh nhất

2018

Top 60 thương hiệu, sản phẩm uy tín của ngành xây dựng Việt Nam.
Được tặng cờ thi đua của Chính phủ



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Sản xuất sợi
2. Sản xuất vải dệt thoi
3. Hoàn thiện sản phẩm dệt
4. Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)
5. Sản xuất thảm, chăn đệm
6. Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
(Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn)
7. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
(Chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông)
8. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
(Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh)
9. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may)
10. Bán buôn kim loại và quặng kim loại
Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; bán buôn kim loại màu (Trừ vàng)
11. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
12. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
13. Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
14. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
15. Xây dựng nhà các loại
16. Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ
(Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ)
17. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
(Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng)
18. Hoàn thiện công trình xây dựng
19. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
20. Lắp đặt hệ thống điện



ĐỊA BÀN KINH DOANH

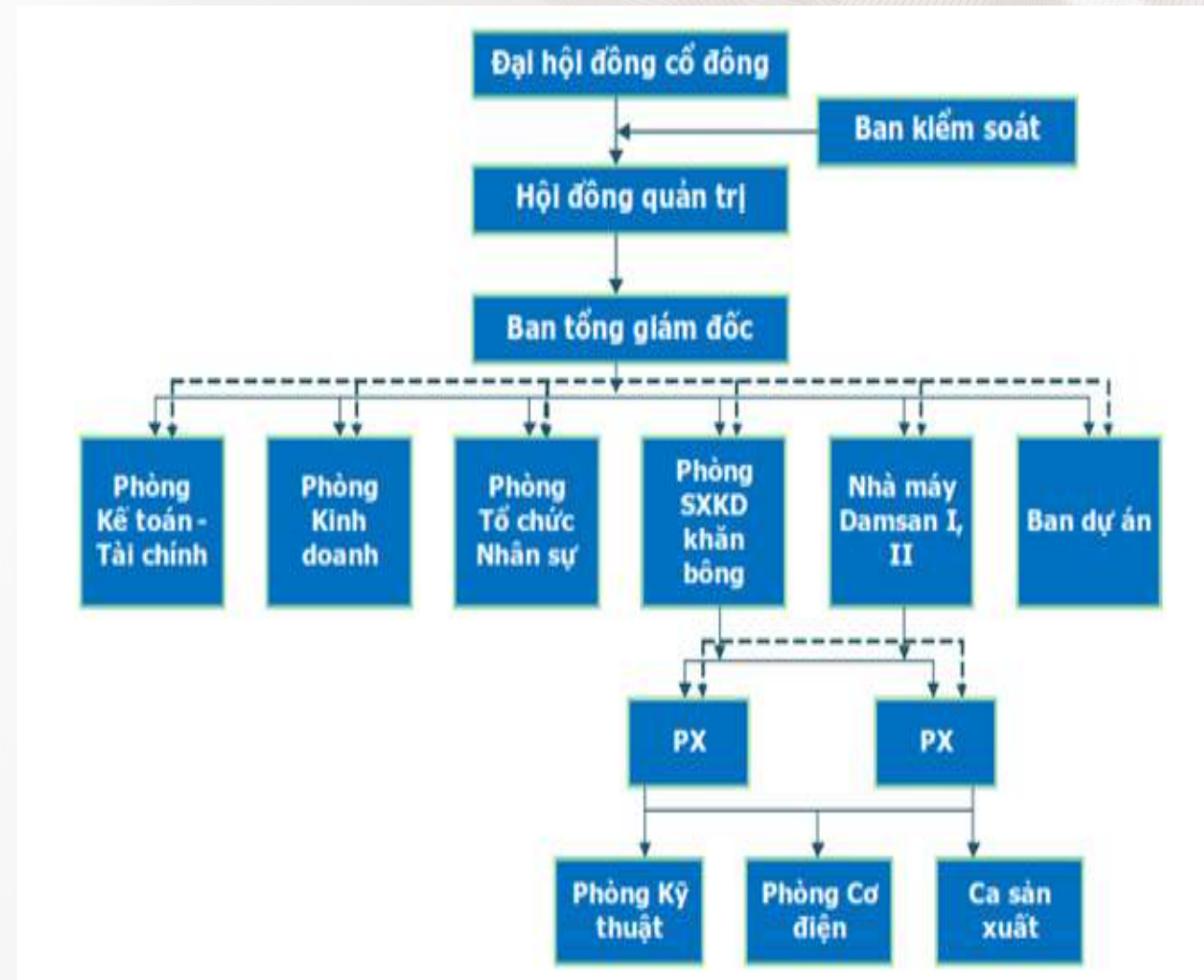
Sản phẩm sợi của Công ty được tiêu thụ tại thị trường nội địa Việt Nam và xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong khi đó, mặt hàng khăn bông được sản xuất phục vụ mục đích xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc là chính.

Hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội: Thái Bình
Toà nhà xã hội cho người thu nhập thấp tại Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình; Khu Đô thị Phú Xuân Damsan tại Phường Lý Bôn, Thái Bình.



CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị



Hiện tại, Công ty Cổ phần Damsan hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan. Mô hình quản trị của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng. Các bộ phận thành lập và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức hằng năm, trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty tuân theo Điều lệ, các quy định của Công ty, theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và tuân theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL

- GCN ĐKKD số 1001067263 cấp ngày 12/06/2015
- Địa chỉ: Lô 159/14, KCN Gia Lễ, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, Thái Bình.
- Vốn điều lệ: 75 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 80%
- Ngành nghề: Sản xuất kinh doanh sợi
- Quy mô của EIFFEL lên đến 40,000 cọc sợi, với năng lực sản xuất 6,000 tấn sợi cọc CD một năm. Nhà máy của EIFFEL đi vào hoạt động từ quý III/2016 và được hưởng nhiều ưu đãi về thuế, cụ thể:
 - Miễn thuế trong 2 năm đầu từ khi có thu nhập chịu thuế từ 2016-2017
 - Thuế suất 20% từ 2016-2025
 - Giảm 50% thuế suất từ 2018-2020
 - Miễn tiền thuê đất từ 2015-2017



Viện dệt may

- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100100294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/04/2011, cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 23/05/2017
- Địa chỉ: 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 30%
- Ngành nghề:
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
 - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật
 - Sản xuất sợi
 - Sản xuất vải dệt thoi
 - Sản xuất, lắp đặt, bán buôn, bán lẻ các mặt hàng, thiết bị và phụ tùng ngành Dệt



CÁC RỦI RO

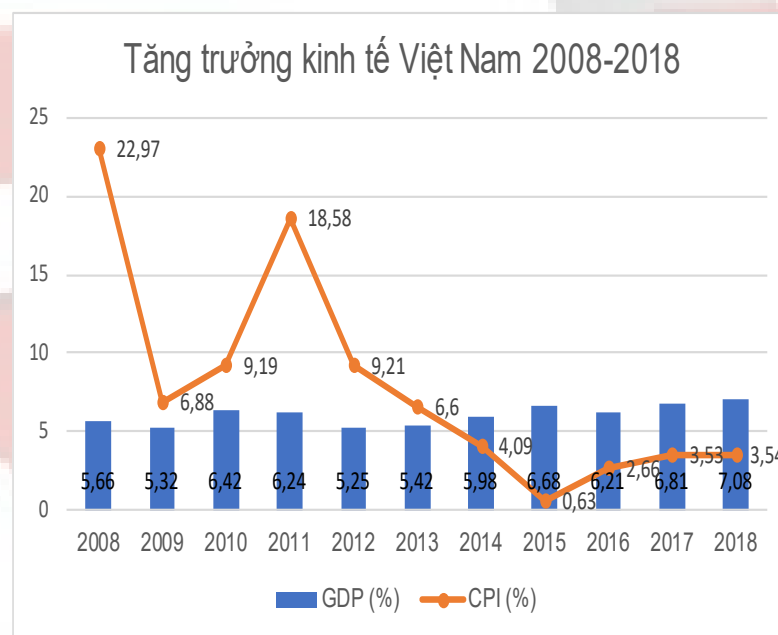
Rủi ro kinh tế

Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018, sau đó đã xuất hiện những diễn biến mới khiến tình hình trở nên phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang có dấu hiệu leo thang, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, mức độ tăng trưởng vẫn còn mạnh mẽ ở các nền kinh tế phát triển, nhưng đã chậm lại ở nhiều nước. Các tổ chức quốc tế lớn như IMF, WB và UN cùng chung nhận định kinh tế toàn cầu bắt đầu tăng trưởng chậm lại, trong đó IMF dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới khả quan nhất, tăng 3,9% (trong đó các nước công nghiệp phát triển tăng 2,3%; các nước đang phát triển tăng 4,9%). Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) dự đoán thương mại toàn cầu đang chững lại trong thời gian tới.

Giá dầu tăng cao, đồng đô la Mỹ biến động mạnh dẫn đến giá một số mặt hàng thiết yếu có xu hướng tăng trở lại. Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn, nhất là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp, cùng với sự gia tăng xu hướng bảo hộ mậu dịch của các nước lớn, đặc biệt là những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ đã tác động đến sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Điều này cũng gây ảnh hưởng đặc biệt với những doanh nghiệp nhập khẩu nguyên vật liệu từ các nước trên thế giới và xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài như Công ty Cổ phần Damsan. Ban lãnh đạo công ty luôn theo dõi tình hình tăng trưởng kinh tế cũng như môi trường kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước để đưa ra những định hướng hoạt động phù hợp với từng giai đoạn phát triển của công ty.

Kinh tế Việt Nam 9 tháng đầu năm 2018 đạt nhiều kết quả tích cực và vẫn đang trong giai đoạn mở rộng trong chu kỳ tăng trưởng. Tính chung năm 2018, GDP ước tính đạt 7,08%, cao hơn chỉ số 6,41% của năm 2017 và là mức tăng trưởng cao nhất tính từ năm 2008 trở về đây. Nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao, kinh tế vĩ mô ổn định, tiêu dùng tăng cao, lạm phát được kiểm soát dưới mục tiêu của Quốc hội. Tình hình thực hiện vốn đầu tư có chuyển biến tích cực với nhiều năng lực sản xuất mới được bổ sung. Môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Cùng đó, trong năm 2018, Việt Nam tham gia thành công hiệp định CPTPP mở ra vô vàn cơ hội cho kinh tế Việt Nam năm 2019, đặc biệt là ngành dệt may, ngành nghề chủ lực của Công ty Damsan. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, nền kinh tế còn đối diện nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng gia tăng, tạo áp lực lớn đến điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá, lãi suất, lạm phát và sản xuất trong nước.



Lãi suất

Trong bối cảnh cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vẫn đang diễn ra vô cùng căng thẳng, tỷ giá đồng dollar tăng mạnh, dẫn tới lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam cũng bị ảnh hưởng. Yếu tố tâm lý thường thấy ở người dân là đi rút tiền để tích trữ hoặc mua USD, do vậy các NHTM đã tăng lãi suất để giữ chân khách hàng. Bên cạnh đó, Thông tư 16/2008/TT-NHNN sẽ có hiệu lực vào ngày 01/01/2019, đề xuất rằng các ngân hàng sẽ chỉ được sử dụng 40% nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn thay vì mức 45% như hiện nay. Việc tăng lãi suất sẽ giúp ngân hàng thu hút thêm nhiều vốn hơn.

Việc tăng lãi suất ngân hàng vào nửa cuối năm là giai đoạn các doanh nghiệp đang đẩy mạnh sản xuất kinh doanh để đạt mục tiêu, kế hoạch đề ra chắc chắn sẽ có tác động tiêu cực đến nền kinh tế nói chung, đặc biệt nếu xu hướng tăng duy trì đến hết năm. Lãi suất tăng sẽ gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh do tăng chi phí vốn. Việc tăng lãi suất trong một giai đoạn dài cũng sẽ khiến VNĐ mạnh lên tương đối, từ đó tác động tiêu cực đến hàng xuất khẩu. Do vậy, các doanh nghiệp phải chủ động đa dạng hóa nguồn vốn, tránh phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay ngân hàng. Các doanh nghiệp cũng cần cập nhật thường xuyên thông tin về tình hình lãi suất để có những phản ứng nhanh, kịp thời.

Tỷ giá hối đoái

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro có tác động đáng kể đến các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ như Damsan. Thị trường ngoại hối năm 2018 đang có nhiều biến động mạnh kể từ đầu năm, khi có 2 đợt sóng tăng tỷ giá VND/USD vào nửa cuối tháng 5 và nửa cuối tháng 6, biến động mỗi đợt tăng vào khoảng 100 - 150 đồng/USD. Dệt may là một nhóm ngành xuất khẩu, đồng thời có vốn vay bằng ngoại tệ, theo đó biến động thất thường của tỷ giá thời gian qua là một sức ép không nhỏ đối với ngành. Ngoài ra, dự trữ ngoại hối được củng cố và duy trì ở mức khá (63,5 tỷ USD), khi NHNN đã kịp thời mua vào 11 tỷ USD trong năm 2018 tạo điều kiện giữ ổn định tỷ giá.

Đồng tiền của các thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam (như Trung Quốc, Hàn Quốc) mất giá mạnh, và đồng tiền ở các quốc gia Việt Nam xuất khẩu tăng giá (điển hình là Mỹ). Điều này sẽ tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp Việt Nam sẽ nhập được hàng hóa đầu vào rẻ hơn tương đối, trong khi xuất khẩu vẫn đảm bảo được sức cạnh tranh. Mặc dù vậy, hàng hóa của Việt Nam vẫn phải cạnh tranh với hàng hóa đến từ các quốc gia khác có cùng nhóm hàng xuất khẩu do đồng tiền nhiều quốc gia đang mất giá mạnh hơn so với VND.

Để hạn chế ảnh hưởng và rủi ro của biến động tỷ giá đến lợi nhuận, Công ty đã đề ra chính sách quản lý chặt chẽ, đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu từ các nước và có kế hoạch tăng cường việc xuất khẩu hàng hóa, thu nhiều ngoại tệ về hơn để cân đối nguồn ngoại tệ chi ra.



Rủi ro về pháp luật

Là một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài việc chịu ảnh hưởng dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung. Không chỉ có vậy, Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực dệt may, bất động sản phải chịu sự quản lý ngành và tác động của các chính sách đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty nên bất kỳ việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... của Nhà nước, nhất là những điều chỉnh liên quan đến hoạt động của ngành đều có thể ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật. Song song đó, những sự thay đổi về chính sách ưu đãi đối với ngành dệt may và bất động sản sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn thiện nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

Rủi ro về đặc thù ngành

Rủi ro từ biến động giá cả nguyên liệu đầu vào

Với lĩnh vực sản xuất sợi, bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng 70% giá thành sợi thành phẩm và cũng là nguồn nguyên liệu chính của Công ty Cổ phần Damsan trong sản xuất sợi. Tuy nhiên, bông là sản phẩm nông nghiệp do đó chất lượng, số lượng và giá cả bông phụ thuộc vào vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng cung ứng của các khu vực lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Châu Phi.... Sản lượng sản xuất bông hiện nay của Việt Nam là thấp, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu cung cấp nguồn nguyên vật liệu cho ngành dệt may. Nguồn nguyên vật liệu của ngành chủ yếu vẫn phải nhập khẩu, kéo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành và của Damsan bị phụ thuộc rất nhiều vào thị trường cung cấp nguồn nguyên liệu của nước ngoài. Do đó, Công ty có thể gặp phải rủi ro khi giá nguyên vật liệu trên thế giới có những biến động bất thường dẫn đến việc gia tăng chi phí đầu vào.

Biểu đồ cho thấy giá bông đã tăng mạnh trong nửa đầu năm 2018 so với năm 2017, trung bình vào khoảng 0,85 USD/pound nửa đầu năm 2018 so với khoảng 0,72 USD/pound năm 2017 (+18%). Theo Hiệp hội Bông sợi Việt Nam, giá bông trong năm 2019 dự báo tăng giá toàn cầu.



Tuy nhiên, rủi ro này cũng được giảm nhẹ bởi Công ty luôn mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu từ nhiều nước trên thế giới, để không phụ thuộc quá nhiều vào một nhà cung cấp. Bên cạnh đó, giá bán sản phẩm cũng được Công ty điều chỉnh linh hoạt theo giá nguyên vật liệu đầu vào tại từng thời điểm.

Rủi ro từ cạnh tranh

Rủi ro cạnh tranh là rủi ro mất khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Để duy trì được năng lực cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành không chỉ ở trong nước mà còn ở toàn cầu.

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Textthong Group (Hong Kong), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vina-tex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, giá bán diễn ra gay gắt.

Không chỉ thế, các hiệp định thương mại tự do sẽ không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may vì họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

Là doanh nghiệp dệt sợi lớn tại phía Bắc, Công ty cổ phần Damsan cũng đang phụ thuộc lớn vào thị trường xuất khẩu Trung Quốc. Các công ty của Việt Nam không chỉ cạnh tranh với nhau mà đang dần phải đối mặt với sự cạnh tranh từ chính các doanh nghiệp sợi Trung Quốc nhờ những chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp sản xuất sợi tại nước này. Ngoài ra, khả năng mở rộng phát triển các thị trường xuất khẩu mới chưa được khai thác phát huy tối đa do thiếu nguồn lực nhân sự chất lượng cao, am hiểu ngành nghề, gắn bó với Công ty cũng là nguyên nhân khiến thị trường xuất khẩu của Công ty hiện nay chỉ tập trung vào Trung Quốc. Chính vì vậy, doanh nghiệp này ý thức rõ những rủi ro khi hoạt động xuất khẩu bị phụ thuộc hoàn toàn vào một thị trường. Để hạn chế những ảnh hưởng từ thị trường Trung Quốc, Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của mặt hàng sợi Damsan.

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: Rủi ro thiên tai, biến động giá cả, sự ảnh hưởng của biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch.... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá khái quát

Tình hình kinh tế năm 2018 trong và ngoài nước với những tác động tích cực và tiêu cực đối với ngành dệt may đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Damsan. Cùng với sự nỗ lực và đoàn kết của cán bộ nhân viên, Công ty đã phát huy những điểm thuận lợi và khắc phục những khó khăn để đạt được kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2018.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (Tỷ đồng)	Năm 2018 (Tỷ đồng)	% tăng giảm 2018/2017
1	Tổng tài sản	1.565	1.712	9,39%
2	Vốn chủ sở hữu	430,8	451,9	4,90%
3	Doanh thu thuần	1.503	1.839	22,36%
4	Chi phí tài chính	39,43	62,51	58,53%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	72,22	53,92	-25,34%
6	Lợi nhuận khác	-1,18	7,59	743,22%
7	Lợi nhuận trước thuế	71,04	61,5	-13,87%
8	Lợi nhuận sau thuế	62,85	56,4	-10,26%

Năm 2018, giá trị tổng tài sản đạt 1.712 tỷ đồng tăng 147 tỷ đồng tương ứng tăng 9,39% so với năm 2017. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 180,98 tỷ đồng tương ứng tăng 16,49% so với năm 2017.

Vốn chủ sở hữu tăng 21,1 tỷ đồng trong năm 2018, tương ứng tăng 4,90% so với năm 2017. Trong đó nguồn tăng đến chủ yếu từ quỹ đầu tư phát triển (tăng 1,89 tỷ đồng tương ứng 21,82%) và lợi ích cổ đông không kiểm soát (tăng 22,92 tỷ đồng tương ứng 115%).

Trước tình hình kinh tế với nhiều dấu hiệu khởi sắc trong năm 2018, Damsan đạt doanh thu ở mức 1.839 tỷ đồng, tăng 336 tỷ đồng tương ứng 22,36% so với năm 2017. Nguồn thu chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh khăn, sợi – các sản phẩm chủ lực của Công ty. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty giảm đáng kể so với năm 2017. Nguyên nhân chính đến từ việc tăng đột biến của chi phí tài chính từ 39,43 tỷ đồng năm 2017 lên 62,51 tỷ đồng năm 2018, tăng tương ứng 58,53% so với năm 2017. Với sự biến động tăng giá của đồng USD trong năm 2018, Công ty đã chịu thiệt hại không nhỏ do chênh lệch tỷ giá hối đoái gây ra. Điều này dẫn đến sự sụt giảm lợi nhuận thuần của Công ty (giảm 18,3 tỷ đồng tương ứng 25,34% so với năm 2017) dù doanh thu của Công ty tăng so với năm 2017.

Cơ cấu doanh thu

STT	Doanh thu	Năm 2017		Năm 2018	
		Doanh thu (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng	1.328.278	88,35%	1.674.031	91,12%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.434	0,23%	16.022	0,87%
3	Doanh thu kinh doanh Bất động sản	171.666	11,42%	147.057	8,00%
	Tổng	1.503.378	100,00%	1.837.110	100,00%

Nhìn chung cơ cấu doanh thu của Công ty trong năm 2018 không có sự thay đổi đáng kể so với năm 2017. Doanh thu đến từ hoạt động bán hàng tăng 2,77% so với năm 2017, đóng vai trò trọng yếu trong cơ cấu doanh thu. Năm 2018, Damsan tập trung một phần nguồn nhân lực vào mảng cung cấp dịch vụ góp phần cải thiện tỷ trọng của hoạt động cung cấp dịch vụ trong cơ cấu doanh thu (tăng 0,64% so với năm 2017). Hoạt động trong mảng kinh doanh bất động sản có dấu hiệu giảm so với năm 2017. Như vậy trong năm 2018, doanh thu của Công ty đến chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.



Tình hình thực hiện chỉ tiêu các kế hoạch đề ra

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	TH 2018/ KH2018
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.750	1.839	105,09%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	85	61,51	72,36%
Mức cổ tức	%	20	20	100,00%

Nền kinh tế năm 2018 chứa đựng vô vàn cơ hội cũng như thách thức, trước tình hình đó Công ty Cổ phần Damsan đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành mục tiêu kế hoạch ban đầu đề ra. Doanh thu thuần đạt 1.839 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch đạt ra ban đầu là 1.750 tỷ đồng, đạt 105,09% so với kế hoạch. Tuy nhiên, với những diễn biến khó lường của đồng USD trên thị trường đã ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận công ty đạt được trong năm 2018. Chỉ đạt 72,36% so với kế hoạch ban đầu đề ra, dù vậy đó là sự nỗ lực và đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên để đạt được mức lợi nhuận trước thuế 61,51 tỷ đồng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu (%)
1	Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	4.308.730	16,0%
2	Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	945.000	3,7%
3	Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	1.279.666	5,0%
4	Vũ Huy Đức	Thành viên HĐQT	1.270.666	5,0%
5	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	420.000	1,6%



Ông Vũ Huy Đông

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ngày sinh: 21/06/1955

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1976-1979: Học Đại học Ngoại thương
- 1980-1989: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty CTMNXX Thái Bình
- 1990-2004: Cửa hàng Trưởng Công ty XNK Thái Bình
- 2005-2007: Giám đốc Công ty thương mại đầu tư Thái Bình kiêm Giám đốc Công ty CP dệt sợi Dam San
- 2006-2015: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt sợi DamSan
- 2015 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Damsan

Ông Đỗ Văn Khôi

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 07/04/1956

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1977 - 2015: Nhân viên Công ty CP XNK thủ công mỹ nghệ
- 2006 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Damsan

Ông Nguyễn Lê Hùng

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 30/08/1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- 1995 đến nay: Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Minh Trí

Ông Vũ Huy Đức

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 17/10/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2000-2005: Cán bộ quản lý tại Công ty TNHH Minh Trí
- 2005-2010: Giám đốc Nhà máy sợi Đông Phong
- 2010-2016: Giám đốc Công ty TNHH Đông Phong

Ông Lê Văn Tuấn

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 01/07/1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1985-1990: Công ty Dầu lửa Trung Ương.
- 1991- 1995: Công ty XNK Nacenimex.
- 1996- nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần Thanh Bình Hà Nội.

Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu (%)
1	Vũ Thùy Linh	Trưởng ban Kiểm soát	15.750	0,06%
2	Phạm Thị Hồi	Thành viên BKS	3.150	0,01%
3	Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	202.057	0,8%

Bà Vũ Thùy Linh

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Ngày sinh: 12/03/1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2011-2015: Nhân viên Phòng kinh doanh Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2015 - nay: Thành viên BKS Công ty CP Damsan
- 3/2016 – nay: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Damsan

Bà Phạm Thị Hồi

Chức vụ: Thành viên BKS

Ngày sinh: 20/08/1981

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Học viện Tài chính

Quá trình công tác:

- 2004-2006: Nhân viên kế toán - Công ty TNHH Kiến trúc Rồng Việt Đà Nẵng
- 2006-2008: Nhân viên kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2008-2012: Phó phòng kinh doanh – Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2013 – nay: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC
- 2013-2016: Phó phòng tổ chức nhân sự Công ty Cổ phần dệt sợi Damsan
- 2016-2018: Phó giám đốc Ban quản lý dự án – Công ty Cổ phần Damsan

Bà Tạ Thị Thu Hiền

Chức vụ: Thành viên BKS

Ngày sinh: 24/04/1984

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Hiện nay là Nhân viên Phòng Tổ chức hành chính - Công ty Cổ phần Damsan

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Vũ Huy Đông

Quá trình công tác: Đã trình bày ở trên

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ông Lê Xuân Chiến

Quá trình công tác:

- 2005-2006: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Tây Hồ
- 2006-2007: Công ty Cổ phần Sông Đà 12
- 2007-2008: Nhân viên kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2008-2009: Phó phòng Kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2009-2014: Trưởng phòng Kế hoạch tài chính kiêm Phó Phòng kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2014-2015: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng kế hoạch Tài chính - Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2016 - nay: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Damsan

Chức vụ: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ngày sinh: 09/10/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Học viện

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 745.300

Tỉ lệ sở hữu cổ phiếu: 2,9%

Những thay đổi nhân sự trong Ban Điều hành năm 2018

Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với Ông Vũ Văn Hiệu kể từ ngày 14/04/2018.

Bà Vũ Thùy Linh là Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 kể từ ngày 20/04/2018.

Bổ sung Bà Tạ Thị Thu Hiền làm thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2016- 2021 kể từ ngày 14/04/2018.

Thống kê nhân sự

Chỉ tiêu	Số lượng năm 2018 (người)	Tỷ trọng năm 2018 (%)
Theo trình độ Đại học		
Trình độ Đại học và trên Đại học	74	8,20%
Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	106	11,75%
Lao động phổ thông	722	80,04%
Theo đối tượng lao động		
Lao động trực tiếp	789	87,52%
Lao động gián tiếp	113	12,48%
Theo giới tính		
Nam	491	54,40%
Nữ	411	45,60%
Tổng	902	100%

Chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

Chính sách đào tạo, tuyển dụng

Công ty Cổ phần Damsan luôn đánh giá yếu tố con người là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của Công ty. Chính sách đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên là một trong những chính sách được ưu tiên phát triển hàng đầu của Damsan.

• Về tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Theo từng vị trí cụ thể, công ty đề ra các yêu cầu cơ bản về trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập, quyết đoán và các tiêu chí riêng khác của Công ty.

• Về đào tạo:

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về hội nhập, dịch vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo...

• Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong Công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc. Ngoài các chính sách lương, thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hàng năm, Công ty đều tổ chức đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc, mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty để có chính sách khen thưởng phù hợp. Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi, nhiều kinh nghiệm để thu hút nhân lực giỏi làm việc tại Công ty.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và mua Bảo hiểm sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

Về hoạt động đoàn thể, hàng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ mát, dã ngoại và thực hiện đầy đủ các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ,...Đồng thời tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm tăng cường sức mạnh đoàn kết tập thể, tạo môi trường giao tiếp, gắn kết, khuyến khích nhân viên phát huy năng lực.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

Đấu giá thành công cổ phiếu Viện dệt may

Ngày 30/09/2018, Công ty cổ phần Damsan đã thực hiện mua đấu giá thành công 1,5 triệu cổ phần của Viện Dệt May (chiếm 30% cổ phần) với giá trung bình quân 21,050đ/cp, thấp hơn mức đấu giá thành công bình quân là 21,749đ/cp.



Đầu tư Xây dựng Nhà máy chăn ga tại Cụm công nghiệp An Ninh

Qua khảo sát thị trường cùng với kinh nghiệm nhiều năm, Công ty Cổ phần Damsan quyết định đầu tư Đầu tư Xây dựng Nhà máy chăn ga tại Cụm công nghiệp An Ninh gồm 1 nhà máy dệt, 1 nhà máy may chăn ga và kho.

Damsan dự định sẽ đầu tư 75% vốn cho dự án và dự kiến triển khai từ quý III/2019.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính năm 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	2018/2017
Tổng giá trị tài sản	Tr.đ	1.565.132	1.712.908	109,44%
Doanh thu thuần	Tr.đ	1.502.645	1.839.106	122,39%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	72.219	53.922	74,66%
Lợi nhuận khác	Tr.đ	-1.181	7.587	642,42%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	71.038	61.508	86,58%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	62.859	56.440	89,79%

Tổng giá trị tài sản năm 2018 là 1.712.908 triệu đồng, tăng 147.776 triệu đồng, đạt 109,44% so với năm 2017. Trong đó giá trị tài sản ngắn hạn tăng 180.980 triệu đồng tương ứng 16,49% so với năm 2017.

Năm 2018, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.839.106 triệu đồng, tăng 22,39% so với năm 2017. Nguồn thu đến chủ yếu từ hoạt động chính của Công ty – kinh doanh sản xuất sợi, khăn. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có sự giảm rõ rệt, chỉ đạt 53.922 triệu đồng tương ứng 74,66% so với năm 2017.



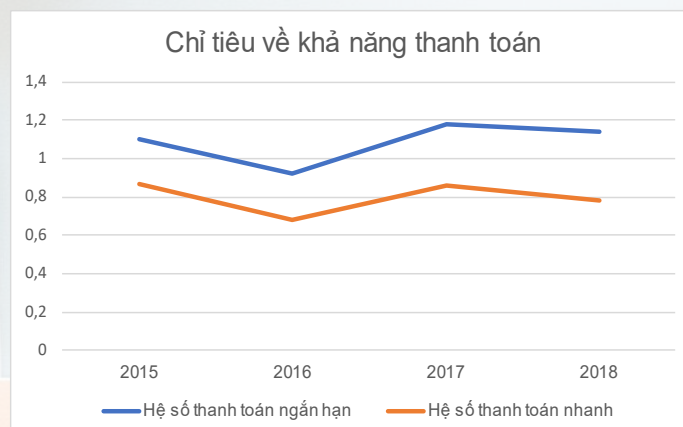
Tuy nhiên nhờ lợi nhuận từ các nguồn khác đã cải thiện lợi nhuận của Damsan trước và sau thuế đáng kể, lần lượt là 61.508 triệu đồng và 56.440 triệu đồng tương ứng 86,58% và 89,79% so với năm 2017. Nguyên nhân chính đến từ những diễn biến của nền kinh tế thế giới ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế trong nước. Đó là sự tăng giá mạnh của đồng USD gây ra khó khăn không nhỏ cho Công ty do nguồn nguyên liệu chủ yếu đến từ hoạt động nhập khẩu. Thêm vào đó giá bông có xu hướng tăng và có thể tiếp tục tăng trong năm 2019 theo Hiệp hội Bông sợi Việt Nam.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,1	0,92	1,18	1,14
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,87	0,68	0,86	0,79
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	lần	0,78	0,8	0,72	0,74
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	lần	3,51	3,93	2,63	2,79
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	7,21	5,38	5,55	4,93
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	lần	1,23	0,87	0,96	1,07
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,9	3,22	4,19	3,07
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	5,02	13,84	14,62	12,49
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,11	2,81	4,03	3,30
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,92	3,39	4,79	2,93

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm 2018 đều có sự giảm nhẹ so với năm 2017. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2018 lần lượt là 1,14 lần và 0,79 lần. Nguyên nhân chính đến từ việc Công ty tăng các khoản nợ ngắn hạn trong năm 2018 lên 1.119 tỷ đồng, tăng 186 tỷ đồng tương ứng 19,95% so với năm 2017. Giá trị tổng tài sản năm 2018 đạt 1.713 tỷ đồng, tăng 148 tỷ đồng tương ứng 9,46% so với năm 2017. Bên cạnh đó, mức hàng tồn kho của Công ty năm 2018 đạt 400,1 tỷ đồng, tăng 36,13% so với năm 2017. Những điều này dẫn đến nhóm các chỉ số về khả năng thanh toán giảm so với năm 2017. Tuy nhiên, 1,14 và 0,79 vẫn là những mốc an toàn đối với khả năng thanh toán các khoản nợ trong ngắn hạn của Damsan.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

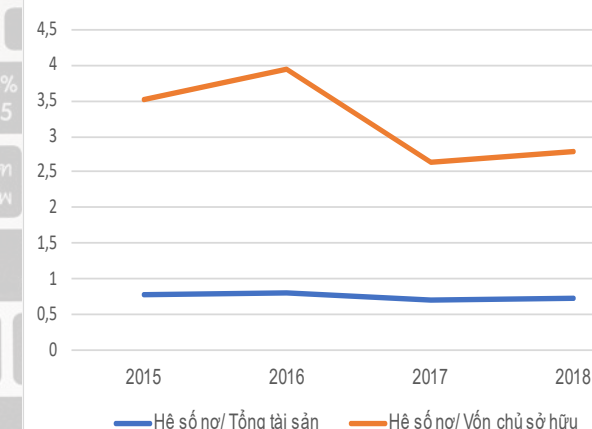
Cơ cấu vốn nợ/ tổng tài sản của công ty giai đoạn 2015 – 2018 không có sự biến động lớn. Công ty sử dụng nợ là nguồn vốn chủ yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ số nợ/ Tổng tài sản năm 2018 là 0,74 lần, tăng nhẹ so với năm 2017.

Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu đã có sự thay đổi cơ cấu qua các năm. Từ 2015 – 2016 Damsan sử dụng chủ yếu nguồn vốn nợ thay vì vốn chủ sở hữu cho các hoạt động kinh doanh. Điều này tiềm ẩn một phần rủi ro lớn đối với chi phí tài chính (cụ thể là các khoản lãi vay). Từ năm 2017, Công ty đã có sự cải thiện rõ rệt trong cơ cấu giữa nguồn vốn nợ và vốn chủ sở hữu, đã có sự cân bằng hơn trong cơ cấu vốn của Công ty. Năm 2018, hệ số này là 2,79 lần, tăng nhẹ so với năm 2017. Dù nguồn vốn nợ vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn của Công ty nhưng với sự cải thiện trong cơ cấu, Công ty đã phần nào giảm bớt các chi phí tài chính liên quan đến lãi vay.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2018 đều giảm so với năm 2017. Các chỉ số ROE và ROA lần lượt là 12,49 lần và 3,3 lần. Việc đồng loạt giảm của nhóm chỉ số sinh lời là do lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2018 đạt 56.440 triệu đồng, giảm 10,21% so với năm 2017. Năm 2018 là một năm chứng kiến sự tăng giá của đồng USD trên thị trường hối đoái thế giới. Chính điều này đã ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của Công ty, kéo theo các chỉ số về khả năng sinh lời giảm so với năm 2017.

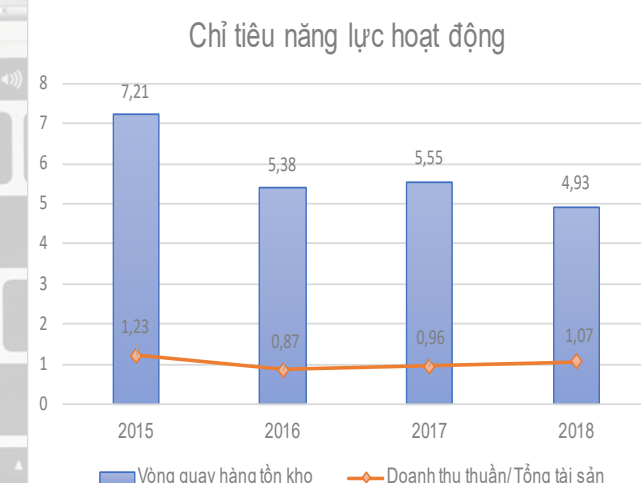
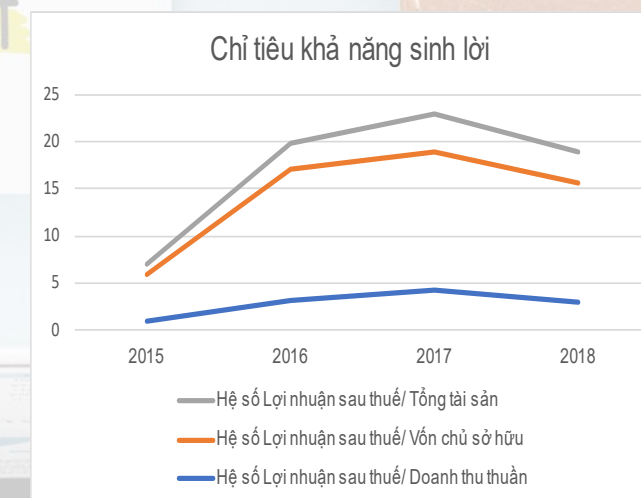
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 là 4,93 vòng, giảm 0,62 vòng so với năm 2017. Nguyên nhân đến từ việc Công ty trong năm 2018 tăng lượng hàng tồn kho lên hơn 400,1 tỷ đồng, tăng 106,2 tỷ đồng tương ứng 36,13% so với năm 2017. Điều này đã ảnh hưởng một phần đến vòng quay hàng tồn kho của Công ty trong năm 2018.

Năm 2018, chỉ số Doanh thu thuần/ Tổng tài sản là 1,07 lần, tăng 0,11 lần so với năm 2017. Doanh thu thuần năm 2018 của Công ty đạt 1.839,11 tỷ đồng, tăng 22,39% so với năm 2017. Tổng tài sản năm 2018 là 1.712,91 tỷ đồng, tăng 9,44% so với năm 2017. Năm 2018, Công ty đã sử dụng hiệu quả hơn các tài sản của Công ty vào các hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả khả quan so với năm 2017.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Mã cổ phiếu	: ADS
Vốn điều lệ	: 255.178.010.000 đồng
Số cổ phần phổ thông	: 25.517.801 cổ phần
Số cổ phần ưu đãi	: 0 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành	: 25.517.801 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ đông trong nước	15.215.037	59,6%
	Tổ chức	11.506.015	45,1%
	Cá nhân	3.709.022	14,5%
2	Cổ đông nước ngoài	33.341	0,1%
	Tổ chức	20.848	0,1%
	Cá nhân	12.493	0,0%
	Tổng	25.517.801	100%



Danh sách và tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn

Tên cổ đông	Số lượng cơ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Vũ Huy Đông	4.308.730	16,9%
Vũ Huy Đức	1.368.000	5,4%
Nguyễn Lê Hùng	1.270.666	5,0%
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	2.099.923	8,2%
Tổng	9.047.319	35,5%

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2018, Công ty Cổ phần Damsan không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

A person with long hair, wearing a white long-sleeved shirt, is sitting at a wooden desk in a bright, modern office. They are typing on a silver laptop. The desk also has a white mug, a pen, and some papers. The background shows a window with a view of greenery outside.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018 được coi là năm có tốc độ tăng trưởng tốt của Damsan trên mọi phương diện, cả về quy mô tổng tài sản, vốn sở hữu, doanh thu và lợi nhuận. Tốc độ tăng trưởng của Damsan trong năm 2018 tăng cao so với năm 2017. Năm 2018, doanh thu thuần đạt hơn 1.839 tỷ đồng, tăng 22,39 % so với năm 2017; lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt hơn 56,44 tỷ đồng, giảm 10,21% so với năm 2017. Như vậy, so với kế hoạch đề ra trong năm 2018, Doanh thu thuần của Công ty đạt 105,9% doanh thu theo kế hoạch đặt ra; Lợi nhuận trước thuế đạt 72,36% kế hoạch.

Để đạt được những thành quả này, bên cạnh những thuận lợi từ môi trường kinh doanh, quản trị điều hành...v.v còn có sự đóng góp rất lớn từ sự tin tưởng của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Damsan cũng chịu ảnh hưởng của một số yếu tố bất lợi.

Thuận lợi

Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tương đối tốt trong năm 2018, tiêu dùng cá nhân tăng, sự phát triển bền vững của đầu tư toàn cầu, sự cải thiện của thị trường lao động. Nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường tiêu thụ hàng may mặc hàng đầu trên thế giới như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản đều có sự tăng trưởng tốt, thúc đẩy việc tiêu thụ các nguyên liệu dệt may, trong đó có sợi cotton.

Kinh tế trong nước luôn đạt tốc độ tăng trưởng, ổn định, môi trường đầu tư tốt, vị thế trên trường quốc tế ngày càng được củng cố. Kinh tế Việt Nam năm 2018 đạt nhiều kết quả tích cực và vẫn đang trong giai đoạn mở rộng trong chu kỳ tăng trưởng. Năm 2018, tăng trưởng GDP đạt mức kỷ lục 7,08%. Nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao, kinh tế vĩ mô ổn định, tiêu dùng tăng cao, lạm phát được kiểm soát dưới mục tiêu Quốc hội.

Trong bối cảnh đó, Damsan gặp nhiều thuận lợi trong hoạt động sản xuất cốt lõi của Công ty là sợi: 9 tháng đầu năm 2018 giá nguyên liệu bông ổn định với mức trung bình khoảng 1,7-1,8 USD/kg. Giá sợi tại thị trường Trung Quốc ổn định, kinh doanh sôi động, nhiều khách hàng tìm đến các sản phẩm của Công ty. Sản xuất khăn bông xuất khẩu đã xác lập mức cao tăng dần so với các năm trước bình quân từ 120 tấn - 160 tấn/tháng.

Các dự án bất động sản triển khai thuận lợi. Dự án Khu đô thị Phú Xuân Damsan tính đến đầu năm 2019 cơ bản hoàn thành. Các lô đất hiện Công ty đã bán 95%, tiền bán đất cơ bản đã thu theo đúng tiến độ.

Tòa nhà xã hội cho người thu nhập thấp 16 tầng tại Phường Quang Trung đã đi vào khai thác, trong đó có 64 căn hộ tái định cư và 130 căn hộ bán cho người thu nhập thấp. Chất lượng công trình tốt, kiến trúc cảnh quan đẹp tạo điểm nhấn cho cửa ngõ Thành phố Thái Bình.

Bên cạnh đó, Công ty cũng được hưởng những thuận lợi từ cơ chế chính sách: Các cơ chế chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp kinh doanh XNK vẫn được nhà nước tiếp tục duy trì. Damsan có nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu tiếp tục được thực hiện vay vốn ngoại tệ để phục vụ sản xuất kinh doanh nên công ty có điều kiện tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý, trung bình khoảng 3-3,5%/năm.

Khó khăn

Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung nổ ra từ tháng 6/2018 đến đầu tháng 9/2018 đã ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty. Tình hình nguyên phụ liệu biến động như giá bông có xu hướng tăng nhẹ do nhu cầu bông tăng cao tại Pakistan, Bangladesh và Việt Nam cũng gây thêm khó khăn cho toàn ngành. Giá bông nguyên liệu năm 2018 tăng hơn 18% so với năm 2017, trong khi giá sợi đang từ 3,3 USD/kg từng tháng giảm giá xuống 3,2 ; 3,1 ; 3,0 ; 2,9 ; 2,7 USD/kg. Giá nguyên vật liệu Công ty đã chốt trên thị trường New York từ tháng 7/2018 kết thúc luôn việc giao dịch bông cho cả năm. Từ thực tế đận thù của ngành bông sợi đã ảnh hưởng tới toàn ngành sản xuất sợi của các nước đều bị khủng hoảng và thua lỗ. Từ các nhà sản xuất của Ấn Độ, Thái Lan, Philipin, Việt Nam... kèm theo các nhà kinh doanh bông nguyên liệu cũng chung cảnh thua lỗ.

Kết quả sản xuất cốt lõi của Công ty Damsan bắt đầu bị lỗ tháng 11 - 12 gần 18 tỷ đồng và dự kiến quý I/2019 lỗ 15 tỷ đồng.

Dự án khu dân cư tổ 39-40 Quang Trung đã giải phóng được 1/2 còn 1/2 chưa thể giải phóng được với 2 lý do: 11 hộ dân phản ánh giá đền bù 17,5 Trđ/m² mặt đường thấp, 17 hộ dân IDICO thuê nhà và nhảy dù đòi cơ chế 1 đổi 1 tại chỗ nhưng Nhà nước không đồng ý, dự kiến sớm nhất cũng phải chờ đến cuối năm mới giải quyết xong. Thêm vào đó, khu dân cư HTX Hữu Nghị còn đang kiện tụng tại tòa, dự kiến xong trong quý II/2019.

Những khó khăn kể trên làm công ty mất rất nhiều năng lực, thời gian và tiền bạc, tạo áp lực cho đội ngũ lãnh đạo chủ chốt công ty về sản xuất kinh doanh, lợi nhuận, thị trường, khách hàng và kế hoạch cổ tức năm 2018.



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch và cùng kỳ

Với tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do những tác động trực tiếp từ nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, nội tại sản xuất của công ty...vv, Ban điều hành đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn trong năm 2018.

Sản xuất sợi và xuất khẩu sợi

- + Sản lượng sợi CD : 10.182 tấn
- + Sản lượng sợi OE : 5.505 tấn

Sản xuất khăn và xuất khẩu khăn

- + Khăn cao cấp : 626.7 tấn
- + Khăn thủ công : 891.7 tấn

Tổng doanh số: 2.113 tỷ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	TH 2018	% 2018/2017	% +/-
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.503	1.839	122,36%	22,36%
Trong đó	Doanh thu từ KD sợi, khăn	Tỷ đồng	1.331	1.692	127,12%	27,12%
	Doanh thu từ BĐS	Tỷ đồng	172	147	85,47%	-14,53%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	71,04	61,5	86,57%	-13,43%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	62,85	56,4	89,74%	-10,26%
4	Mức cổ tức	%	20	20	100,00%	0,00%

Năm 2018, Công ty cùng với toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực thực hiện hoàn thành kế hoạch do HĐQT đề ra. Doanh thu của công ty đạt hơn 1.839 tỷ đồng, tăng 336 tỷ đồng so với năm trước, tương đương tăng 22.36%, trong đó chủ yếu là doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh sợi, khăn chiếm hơn 1.692 tỷ đồng, tăng hơn 361 tỷ - tương đương 27.12% so với cùng kỳ. Doanh thu từ mảng BĐS trong năm đạt 147 tỷ đồng do ghi nhận doanh thu từ dự án khu đô thị Phú Xuân.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% 2018/2017
	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	1.097.379	70,11	1.278.356	74,63	116,49%
Tài sản dài hạn	467.752	29,89	434.552	25,37	92,90%
Tổng tài sản	1.565.131	100	1.712.908	100	109,44%

Tổng tài sản năm 2018 là 1.172.908 triệu đồng, tăng 9,44% so với năm 2017. Trong đó tài sản ngắn hạn đạt 1.278.356 triệu đồng, tăng 180.977 triệu đồng tương ứng 16,49%. Tài sản dài hạn đạt 434.552 triệu đồng, giảm 33.200 triệu đồng tương ứng 7,1% so với năm 2017.

Tài sản ngắn hạn tăng so với năm 2017 là do các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho có sự tăng mạnh so với năm 2018 (đây là hai tài khoản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn). Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2018 tăng lên 506.430 triệu đồng, tăng 153.777 triệu đồng tương ứng 43,61% so với năm 2017. Hàng tồn kho năm 2018 là 400.103 triệu đồng, tăng 106.196 triệu đồng tương ứng 36,13% so với năm 2017.

Tài sản dài hạn có sự giảm nhẹ so với năm 2017. Nguyên nhân chính do Công ty tiến hành thanh lý một số máy móc thiết bị đã hết khấu hao và không có nhu cầu sử dụng.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% 2018/2017
	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	933.050	82,26	1.118.680	88,72	119,89%
Nợ dài hạn	201.253	17,74	142.252	11,28	70,68%
Tổng nợ phải trả	1.134.303	100	1.260.932	100	111,16%

Năm 2018, nợ phải trả của Công ty Damsan là 1.260.932 triệu đồng, tăng 11,16% so với năm 2017. Trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 1.118.680 triệu đồng, tăng 185.630 triệu đồng tương ứng 19,89% so với năm 2017. Cùng đó nợ phải trả dài hạn có xu hướng giảm so với năm 2017. Nợ phải trả dài hạn năm 2018 là 142.252 triệu đồng, giảm 29,32% so với năm 2017. Năm 2018, Công ty có sự gia tăng nợ ngắn hạn trong cơ cấu nguồn vốn nợ để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC

Năm 2018 là năm Damsan tiếp tục áp dụng mô hình 5S vào quản lý sản xuất, đã tạo được những kết quả khả quan nhất định, hiệu suất tăng, tỷ lệ lãng phí được cắt giảm, ý thức cán bộ công nhân viên được nâng cao... Phong trào thi đua đóng góp ý tưởng sáng kiến trong quản lý sản xuất, vận hành máy móc được phát huy tối đa, nhiều sáng kiến đã được kiểm nghiệm đưa vào sử dụng thực tế, tiết kiệm chi phí sản xuất tại đơn vị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của công ty.

Tuy nhiên công ty cũng gặp một số khó khăn khi nhân sự tại các nhà máy của công ty trong năm 2018 có sự biến động khá mạnh, nhiều công nhân và nhân sự quản lý xin nghỉ việc vì các lý do riêng phù hợp khiến việc vận hành máy móc bị ảnh hưởng, năng suất máy chưa đạt yêu cầu. Ngoài ra một số dây chuyền máy móc được đầu tư đã hết khấu hao sử dụng nay vẫn tiếp tục vận hành khiến năng suất không cao, ảnh hưởng tới sản lượng của nhà máy, tiêu hao năng lượng và vật tư tăng, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019 (Tỷ đồng)	% +/- so với năm 2018
1	Doanh thu thuần	2.000	+ 8,7%
2	Lợi nhuận trước thuế	68	+ 10%
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	15-20%	0%
4	Lao động bình quân (người)	7 Trđ/người	+ 8%

Chỉ tiêu về doanh thu dự kiến đạt 2.000 tỷ đồng, tăng 8.7% so với năm 2018 – tương đương tăng 161 tỷ đồng, chủ yếu đến từ doanh thu BĐS thu được từ bán nhà liền kề và biệt thự tại khu đô thị Phú Xuân – Damsan.

Ban điều hành xây dựng kế hoạch LNST đạt 68 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2018, tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến 15-20% và lương lao động bình quân đạt khoảng 7 triệu đồng/người – tăng 8% so với năm 2018.

Mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019

Sản xuất kinh doanh sợi, khăn

Năm 2019 với năng lực sản xuất đã đầu tư công ty chỉ đạo tất cả các nhà máy tiếp tục vận hành sản xuất hết công suất 2 nhà máy sợi cộc công suất 900 tấn/tháng, 1 nhà máy OE công suất 300 tấn/tháng. So với năm 2018, lượng sợi giảm 200 tấn/tháng. Bởi năm 2018 sản xuất sợi OE không thuận lợi, 5 máy đã hết khấu hao công ty bán thanh lý cho nước ngoài thu về 350.000usd. Hiện phía người mua đã thanh toán tiền đủ nhưng còn 2 máy chưa dỡ.

Về khăn bông năm 2019 Công ty sẽ nâng công suất lên so với năm 2018 khoảng 300 tấn nhằm phục vụ tối đa cho nhu cầu khách hàng.

Bất động sản

Để tiếp tục đà phát triển của ngành hàng bất động sản công ty tập trung chỉ đạo:

- Hoàn thiện việc đầu tư khu đô thị Phú Xuân Damsan để sớm bàn giao hạ tầng cho thành phố Thái Bình.

- Bàn giao giai đoạn 1 toà nhà XH cho người thu nhập thấp tại tổ 39-40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình.

- Tập trung giải phóng mặt bằng 2 khu dân cư tổ 39-40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và HTX Hữu Nghị Phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình. Mục tiêu xong trong năm 2019.

- Tập trung quyết toán dự án toà nhà BT và các khu đất đối ứng nhà nước trả nhà đầu tư để tính toán đối trừ với UBND thành phố Thái Bình.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2019

Kế hoạch triển khai cụm công nghiệp An Ninh

- Cụm công nghiệp An Ninh 50 ha đã hoàn thiện hồ sơ 35ha, dự kiến giải phóng mặt bằng xong trong quý II/2019. Hiện tại các nhà đầu tư vào Việt Nam nói chung và Thái Bình nói riêng đang rất tiềm năng. Do quỹ đất hạn chế, công ty có 1 cụm công nghiệp trong lúc này rất thuận lợi. Tuy nhiên việc giải phóng mặt bằng chắc chắn sẽ có những khó khăn nhất định song công ty sẽ vượt qua và dự kiến sẽ san lấp làm hạ tầng từ quý III/2019. Bắt đầu chào mời quảng cáo từ quý II/2019 với các nhà đầu tư. Hiện tại có các nhà đầu tư đã quan tâm và đến làm việc với Công ty.

- Nguồn vốn đầu tư dự kiến 240 tỷ đồng, công ty vay từ ngân hàng Nông nghiệp khoảng 75%, còn lại là vốn tự có của công ty cổ phần sợi EIFFEL.

Đầu tư 1 nhà máy dệt và 1 nhà máy may chần ga

Ngành hàng chần ga là mặt hàng rất phổ thông và thông dụng ở thị trường quốc tế và ở Việt Nam chúng ta. Khối lượng tiêu thụ đại trà cũng rất lớn cho nhu cầu người tiêu dùng cá nhân và các cơ sở khách sạn... Đối với công ty Damsan là mặt hàng mới yêu cầu sản xuất từ sợi-dệt-tẩy nhuộm và may hoàn tất là chu trình dài và rất công phu. Qua khảo sát thị trường và nhiều năm kinh doanh với khách hàng Nhật Bản. Công ty đã làm việc với sự hỗ trợ của 1 công ty Nhật Bản. Công ty ký kết sản xuất độc quyền chần ga cho công ty Nhật Bản bắt đầu giao hàng từ tháng 3/2020.

Sản lượng năm đầu từ 500.000 – 800.000 bộ sản phẩm và sẽ tăng dần lên hàng năm. Ngoài thị trường Nhật Bản công ty sẽ mở ra thị trường nội địa với quy mô từ nhỏ tới lớn và sau này mặt hàng này sẽ từng bước đưa quy mô lên thành ngành hàng sản xuất lớn.

Tổ chức thực hiện: Hội đồng quản trị chủ trương tách mặt hàng khăn bông, gộp với chần ga thành một công ty con chuyên ngành. Địa điểm đặt tại Cụm công nghiệp An Ninh. Dự kiến công ty con chần ga sẽ ra đời vào cuối năm 2019.

Nghiên cứu đầu tư ngành hàng mới

Phát triển công ty và nhu cầu đầu tư là mục tiêu lớn thúc đẩy công ty trong 3 năm gần đây, nó phù hợp với sự phát triển chung của cả nước. Song việc đầu tư phát triển phải được nghiên cứu và tính toán rất thận trọng đảm bảo an toàn tiền vốn, uy tín, thương hiệu. Hiện nay công ty đã và đang nghiên cứu vì các ngành hàng sản xuất cốt lõi của công ty là sản xuất sợi xuất khẩu sang Trung Quốc với mức đầu tư lớn, thị trường tiêu thụ ổn định, dễ quản lý. Song qua hơn 10 năm đầu tư, thực tế lợi nhuận ròng rất thấp, bởi ngành sản xuất mang tính sản xuất gia công nên giá trị gia tăng không cao.

Công ty Cổ phần Viện dệt may Hà Nội

Theo thông báo tại buổi họp HĐQT Công ty CP Viện dệt may ngày 20/03/2019: Bộ công thương giao cho Công ty CP Viện dệt may thuê tư nhân thoái vốn nhà nước là 20% còn lại nhà nước sẽ giữ ổn định là 36% để đảm bảo quản lý nghiên cứu khoa học phục vụ cho ngành dệt may cả nước. Phương thức bán và thời gian bán đấu giá trong năm nay. Hiện công ty Damsan nắm giữ cổ phiếu tại công ty này là 35%.

Về đầu tư bất động sản

* Với hợp đồng BT toà nhà hiện đã được bàn giao đợt 1 vào đầu tháng 4/2019

* Các dự án đối ứng đã trình bày ở trên qua tổng hợp dự kiến nhà nước sẽ trả tiếp công ty 1 dự án khu đất trị giá khoảng 75 tỷ đồng. Công ty nghiên cứu chọn và tìm địa điểm cho thích hợp.

* Các dự án toà nhà ở thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Thái Bình đang trong giai đoạn làm hồ sơ pháp lý, Tổng giám đốc sẽ báo cáo sau.

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Tổng tài sản công ty tuy lớn nhưng vốn điều lệ công ty còn rất khiêm tốn, công ty vừa đầu tư sản xuất kinh doanh ngành dệt may vừa đầu tư mở rộng, trong đó bất động sản cần vốn rất lớn. Hiện mức vay ngân hàng của Công ty khá cao gấp 2 lần vốn hiện có. Thực tế tính toán việc vay vốn sẽ rẻ hơn là nâng vốn điều lệ. Để chuẩn bị cho đầu tư công ty đưa ra kế hoạch phát hành trái phiếu phục vụ cho nhu cầu đầu tư tại cụm công nghiệp An Ninh là 200 tỷ đồng, số lượng trái phiếu là 2.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu thời hạn là 5 năm tính từ ngày phát hành. Lãi suất trái phiếu theo thoả thuận giữa công ty với đối tác có nhu cầu.

GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH

Nhằm tối đa hóa lợi nhuận năm 2019, Ban Điều hành công ty đã có kế hoạch và các biện pháp giải pháp thực hiện các mục tiêu đề ra ngay từ đầu năm, cụ thể:

- Tổ chức triển khai sản xuất kinh doanh theo hướng khai thác công suất cao nhất của các nhà máy sợi, máy dệt, xưởng khảm, đảm bảo chất lượng tốt nhất và chi phí giảm tối đa, nhằm duy trì sản lượng ổn định và thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị ở mức an toàn.
- Theo dõi thị trường để có những điều chỉnh về giá cả, kế hoạch vật tư phù hợp, đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Đẩy mạnh bán hàng tại khu đô thị Phú Xuân – Damsan, phấn đấu năm 2019 thu được 85% tổng giá trị toàn bộ dự án.
- Bám sát các cơ quan nhà nước để hoàn thiện thủ tục hồ sơ các dự án, kịp thời giải đáp và cung cấp các hồ sơ liên quan để các cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ để triển khai theo kế hoạch.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc
Kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình kinh tế vĩ mô

Kinh tế thế giới năm 2018 duy trì đà tăng trưởng tốt. Trong năm 2018, các tổ chức quốc tế có uy tín, như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã dự báo rằng kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 3,9% năm 2018. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt, niềm tin của người tiêu dùng tăng kỷ lục. Đây là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, những tháng cuối năm 2018 tiềm ẩn những rủi ro gây bất lợi cho nền kinh tế thế giới, trong đó chiến tranh tiền tệ và thương mại đang dần hiện hữu và đáng lo ngại.

Kinh tế Việt Nam trong năm 2018 đã đạt được những dấu ấn tăng trưởng ấn tượng, phải kể đến như GDP với mức tăng trưởng kỷ lục đạt 7,08%,

Tình hình kinh tế ngành

Dệt may của Việt Nam là một ngành phát triển tương đối tốt mặc dù một vài năm trước gặp một số khó khăn nhất định. Tuy nhiên, trong năm 2018 ngành dệt may đã có những bước tăng trưởng rõ rệt. Với những bước phát triển vượt bậc của ngành dệt may Việt Nam, Việt Nam đã vươn lên là một trong năm nước sản xuất và xuất khẩu dệt may lớn nhất trên thế giới. Chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2018 ngành dệt may đã có những bước tăng trưởng nhanh chóng so với cùng kỳ năm 2017. Không những thế việc ký kết hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) trong năm 2018 là cơ hội để giúp cho ngành dệt may Việt Nam có thể mở rộng thị trường ra các nước trên thế giới. Hiện nay Mỹ đang là nước nhập khẩu sản phẩm dệt may lớn nhất tại thị trường dệt may Việt Nam

Ngoài thị phần lớn ở Mỹ, các doanh nghiệp Việt Nam còn xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc. Không những thế doanh nghiệp dệt may Việt Nam còn xuất khẩu sang các thị trường mới khác như Trung Quốc, Nga và

cao nhất trong vòng 11 năm trở lại đây. Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, CPI bình quân cả năm tăng khoảng 3,73% - 3,95%; Tích lũy tài sản tăng 8,22%; Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%. Ngoài ra, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành năm 2018 ước tính đạt 1.856,6 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước (quý IV đạt 606,9 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5%) bằng 33,5% GDP. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2018 ước tính đạt 244,72 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2017.



Campuchia tạo thêm kim ngạch cho ngành dệt may đồng thời tạo điều kiện cho ngành dệt may Việt Nam phát triển mạnh hơn.

Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) cho biết, năm 2018, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may, xơ sợi,... ước tính đạt 36,1 tỷ USD, tăng 16,01% so với năm trước. VITAS nhận định từ đầu năm đến nay, các thị trường trọng điểm như Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) vẫn đạt tốc độ tăng trưởng tốt và các thị trường như Hàn Quốc, Trung Quốc... cũng tăng trưởng mạnh, vượt trội so với tốc độ tăng trưởng cùng kỳ. Cùng với đó, chiến tranh thương mại Trung - Mỹ được xem là cơ hội lớn cho ngành dệt may với các mặt hàng bút phá mạnh là áo thun, quần, áo jacket, váy, vest... Có thể thấy động lực cho sự tăng trưởng của ngành dệt may một phần đến từ sự tích cực trong hoạt động xuất khẩu. Theo thống kê, dệt may hiện là mặt hàng xuất khẩu đứng thứ hai, chỉ sau xuất khẩu điện thoại và linh kiện. Bên cạnh đó, diễn biến tỷ giá cũng đang có lợi cho doanh nghiệp dệt may. Nguyên nhân, tỷ giá VND/USD đã tăng mạnh trong năm 2018 và tiếp tục neo ở mức cao. Nhập khẩu nguyên liệu bằng các ngoại tệ khác (chủ yếu là nhân dân tệ) đang giảm giá so với USD, trong khi xuất khẩu thu về bằng USD.

Bên cạnh những thuận lợi đã nêu trên thì ngành vẫn đang đứng trước nhiều thách thức lớn do nhu cầu mua sắm của người tiêu. Mức cung dệt may trên toàn thế giới chỉ tăng 1-2% và có thể là giữ nguyên không thay đổi. Ngoài ra ngành dệt may trên thị trường đối diện với sự cạnh tranh hết sức gay gắt. Trong khi Campuchia và Myanmar chỉ phải chịu mức thuế 0% đối với hàng dệt may thì Việt Nam phải chịu một mức thuế tương đối cao là 17,5% đối với thị trường Mỹ và 9,6% đối với thị trường EU. Đó cũng là một trong những thách thức lớn của thị trường dệt may Việt Nam.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (Tỷ đồng)	Năm 2018 (Tỷ đồng)	% +/- năm 2018/2017
1	Tổng tài sản	1.565	1.712	9,39
2	Vốn chủ sở hữu	430,8	451,9	4,90
3	Doanh thu thuần	1.503	1.839	22,36
Trong đó	Doanh thu từ KD sợi, khăn	1.331	1.692	27,12
	Doanh thu từ BĐS	172	147	-14,53
4	Lợi nhuận trước thuế	71,04	61,5	-13,87
5	Lợi nhuận sau thuế	62,85	56,4	-10,26

Về quy mô tổng tài sản của công ty, năm 2018 giá trị tổng tài sản của công ty đạt mức 1.712 tỷ đồng, tăng gần 147 tỷ đồng, tương đương tăng 9.39% so với năm 2017, trong đó đầu tư tăng xây dựng cơ bản dự án nhà ở Phú Xuân gần 100 tỷ đồng, số còn lại là các tài sản ngắn hạn khác (phải thu, tồn kho).

Doanh thu của công ty đạt hơn 1.839 tỷ đồng, tăng 336 tỷ đồng so với năm trước, tương đương tăng 22.36%, trong đó chủ yếu là doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh sợi, khăn chiếm hơn 1.692 tỷ đồng, tăng hơn 361 tỷ - tương đương 27.12% so với cùng kỳ. Doanh thu từ mảng BĐS trong năm đạt 147 tỷ đồng do ghi nhận doanh thu từ dự án khu đô thị Phú Xuân.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Căn cứ Điều lệ, những quy chế và quy định đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban TGD quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá TGD/Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.

Năm 2018 mặc dù kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra chưa đạt song Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực trong các công tác triển khai các hoạt động quản trị điều hành. Đồng thời cũng thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

Trong năm 2018, HĐQT công ty CP Damsan đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành khi thực hiện triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT như sau:

- HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS và các giám đốc, người điều hành các đơn vị nắm rõ tình hình hoạt động của công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp TGD/Ban TGD hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

- Định kỳ đại diện BKS báo cáo tại các cuộc họp HĐQT: tình hình quản lý sản xuất kinh doanh tại các bộ phận/đơn vị trong công ty; các rủi ro trọng yếu được phát hiện trong quý đồng thời đưa ra kế

hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro; báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, trong đó nêu các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục. Qua đó HĐQT và BKS đánh giá kế hoạch hành động cũng như các giải pháp khắc phục có phù hợp với thực tế chưa để từ đó đưa ra các kiến nghị mang tính chất thực tiễn hơn.

- Định kỳ nghe các Giám đốc/ điều hành đơn vị thực hiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao trong các cuộc họp HĐQT, kịp thời phát hiện những bất cập, khó khăn để đưa ra hướng giải quyết.

- HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, nhận định tình hình thị trường để từ đó rà soát lại kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT để TGD/Ban TGD có cơ sở triển khai thực hiện.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Mục tiêu

- Xây dựng Công ty Công ty cổ phần Damsan vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Định hướng thực hiện


- Về tài chính: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.

- Về nhân sự: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.

- Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.

- Về công nghệ: Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.

- Về quản trị điều hành: Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

A photograph of a desk setup. On the left, a small green fern-like plant is in a dark glass jar. A modern desk lamp with a white conical shade is lit, casting a warm glow. In the center, a silver laptop is open. To the right of the laptop, a pen and a small black object are visible. The background is a plain, light-colored wall.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGD

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thành viên độc lập/ Thành viên điều hành
1	Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	4.308.730	16,9%	TV điều hành
2	Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	945.000	3,7%	TV điều hành
3	Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	1.270.666	5,0%	TV điều hành
4	Vũ Huy Đức	Thành viên HĐQT	1.279.666	5,0%	TV điều hành
5	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	420.000	1,6%	TV không điều hành

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban

Hoạt động của HĐQT năm 2018

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	06	100%
2	Đỗ Văn Khôi	Ủy viên HĐQT	06	100%
3	Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên HĐQT	06	100%
4	Vũ Huy Đức	Ủy viên HĐQT	06	100%
5	Lê Văn Tuấn	Ủy viên HĐQT	06	100%

Năm 2018, HĐQT công ty đã có nhiều nỗ lực, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra, cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.

- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông.

- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- HĐQT định hướng và giám sát việc triển khai các dự án quan trọng của công ty như quản lý rủi ro, kiểm toán, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2018

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	12012018/NQ/HĐTQ	12/01/2018	- Quyết định tạm ứng trả cổ tức năm 2017 (15%/cổ phiếu)
2	2602/2018-NQ/HĐTQ	26/02/2018	- Chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018
3	1404/2018/NQ-ĐHĐCĐ	14/04/2018	- Thông qua Báo cáo phát hành tăng vốn năm 2017 - Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch cổ tức năm 2018 - Thông qua tờ trình đầu tư dự án chung cư cao cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh - Thông qua Tờ trình Phương án mua cổ phần Viện Dệt may Việt Nam - Thông qua việc miễn nhiệm và bổ sung Thành viên BKS nhiệm kỳ 2016 – 2021. - Thông qua bầu bổ sung Bà Tạ Thị Thu Hiền làm thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2016 – 2021 kể từ ngày 14/04/2018
4	0405/2018-NQ/HĐTQ	04/05/2018	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty
5	0405.2/2018/NQ-HĐTQ	11/04/2018	- Quyết định trả cổ tức còn lại năm 2017 (5%/cổ phiếu)
6	1804/NQ-HĐTQ	18/04/2018	-Điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn trong đợt tăng vốn từ 168 tỷ lên 255 tỷ

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Thùy Linh	Trưởng Ban Kiểm soát	15.750	0,06%
2	Phạm Thị Hối	Thành viên BKS	3.150	0,01%
3	Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	202.057	0,8%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành Công ty đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy định pháp lý hiện hành. Cụ thể, Ban kiểm soát đã triển khai những công việc sau:

- Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty.

- Tổ chức họp hàng tháng để kiểm điểm, triển khai công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao.

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch của Công ty năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc, tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong Công ty. Trực tiếp làm việc với ban lãnh đạo trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, hoặc những thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp đối với ban lãnh đạo, điều hành Công ty và các đơn vị.

- Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng Quy chế, Quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.

- Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự thủ tục hồ sơ các Dự án đầu tư của Công ty.

- Năm 2018 lựa chọn Công ty Kiểm toán là Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Thẩm định báo cáo Tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo (Quý, sáu tháng, và một năm) của Công ty.

- Cử Trưởng BKS tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Tham gia hội nghị CNV người lao động, các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì.

Đánh giá của BKS đối với hoạt động của HĐQT và BGD

Với Hội đồng quản trị

Các hoạt động của HĐQT năm 2018 đã tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành, tổ chức họp thường xuyên, họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thường xuyên mời Trưởng ban kiểm soát tham dự và triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty, thực hiện nguyên tắc tập chung dân chủ, công khai minh bạch. Đề xuất giải quyết tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác những cơ hội thuận lợi, đầu tư phát triển hiệu quả, bảo toàn vốn, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty. Các quyết định của HĐQT mang tính tập trung và có sự thống nhất cao.

Việc tổ chức điều hành chiến lược phát triển SXKD của Công ty đều thực hiện trên cơ sở mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Phương án đầu tư và Dự án đầu tư cơ bản thực hiện đúng quy trình đầu tư với Điều lệ Công ty, đáp ứng chỉ đạo kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, các giải pháp về thị trường, triển khai thực hiện đảm bảo tính nguyên tắc và hiệu quả.

Với Ban Giám đốc

Hoạt động của Công ty đã được ban điều hành triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã chủ động khắc phục những khó khăn của nền kinh tế và thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân công cơ cấu theo lĩnh vực và sát sao theo tình hình thực tế công việc. Công tác quản lý, điều hành của các đơn vị thành viên đã được cơ cấu theo hướng tích cực, năng động trong thực hiện nhiệm vụ SXKD về tài chính và nghĩa vụ quyền lợi rõ ràng hơn.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và BGD

Nhìn chung năm 2018 BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Trong năm 2018 BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BGD

Lương, thù lao của HĐQT, BKS và BGD năm 2018

STT	Chức danh	Thù lao/ tháng (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	10.000.000
2	Thành viên HĐQT	7.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Trong năm 2018, Công ty không có giao dịch cổ phiếu phát sinh.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty bám sát theo Luật Doanh nghiệp 2017, Nghị định 71/2017/NĐ – CP về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT – BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Tăng cường hiệu quả quản trị Công ty

Tiêu chí Quản trị	Giải pháp tăng cường hiệu quả
Kế hoạch đào tạo/học tập về quản trị công ty	Các thành viên HĐQT, BKS và BGD lên kế hoạch để tham gia đầy đủ các khóa học/ tập huấn về quản trị công ty do UBCKNN/ HSX tổ chức
Quan hệ nhà đầu tư	Cập nhật Quy trình công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của Sở GDCK TP Hồ Chí Minh
Quản trị tài chính – kế toán	Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong quản trị tài chính – kế toán



A close-up photograph of green grass blades, with a bright sun flare in the background. The grass is in sharp focus, showing individual blades and some small green seed heads. The background is a soft, out-of-focus green field under a bright sky with a lens flare effect from the sun.

**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
NĂM 2018**

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Song song với những nỗ lực về kinh doanh, công ty cổ phần Damsan vẫn luôn kiên định với các mục tiêu phát triển bền vững, ưu tiên lồng ghép phát triển bền vững vào các chiến lược kinh doanh ngắn, trung và dài hạn. Với những ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường để đóng góp cho xã hội, Công ty cổ phần Damsan mong muốn mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

Tiêu thụ điện năng

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là vận hành máy móc và chiếu sáng tại công xưởng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng đồng thời cũng để cắt giảm chi phí sản xuất cho doanh nghiệp.

Tiêu thụ nước

Do đặc thù của ngành doanh nghiệp sử dụng một lượng lớn nước để phục vụ hoạt động sản xuất khăn bông, đồ may mặc. Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Chi phí nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu đến từ việc nhập bông để phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sợi và khăn. Chi phí nguyên vật liệu trên số liệu báo cáo Công ty mẹ chiếm khoảng 45% chi phí giá vốn hàng bán và 44% tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguồn nguyên liệu chính đầu vào của quá trình sản xuất các sản phẩm công ty là bông nguyên liệu hay còn gọi là bông xo. Bông được Công ty nhập từ thị trường Mỹ, châu Phi, Pakistan, Ấn Độ, Singapore... Nguyên liệu sản xuất khăn của công ty bao gồm các loại sợi OE, sợi cọc, sợi xe, do Công ty tự sản xuất.

Nguồn bông nhập về vừa cung cấp nguyên liệu cho hai nhà máy Damsan I và Damsan II, đồng thời dùng để bán trong thị trường nội địa. Nhu cầu bông nguyên liệu nhập khẩu hàng tháng cho hai nhà máy Damsan I và Damsan II khoảng 700 tấn/tháng. Khối lượng bông bán ở thị trường nội địa trung bình khoảng 100 tấn/tháng. Nguyên liệu bông cotton được trồng tự nhiên nên mang tính mùa vụ, ví dụ bông Tây Phi có vụ mùa từ tháng 2 đến tháng 4, bông Đông Phi mùa vụ từ tháng 5 đến tháng 8, bông Mỹ từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm. Do đó, giá cả và chất lượng bông cotton phụ thuộc nhiều vào mùa vụ, sản lượng thu hoạch, thời điểm giao hàng hay chính sách bán/ xuất khẩu bông của các nước trồng bông lớn trên thế giới.



Giá bông có thể thay đổi nhanh chóng theo ngày do đây là hàng hóa kỳ hạn nên chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố về niềm tin, chính sách... Luôn ý thức được tầm quan trọng của sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất, vì vậy Công ty không ngừng tăng cường tìm kiếm và bổ sung thêm các nhà cung cấp mới. Đồng thời trong quá trình sản xuất, Công ty cố gắng hạn chế tối



đa hao hụt nguyên vật liệu sản xuất nhằm làm giảm sự lãng phí nguồn vật liệu. Hơn nữa, Công ty cũng chủ động nhập nguyên vật liệu khi dự đoán giá nguyên vật liệu tăng để hạn chế những rủi ro về tăng giá nguyên vật liệu.

CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

Chính sách đào tạo tuyển dụng

Công ty Cổ phần Damsan luôn đánh giá yếu tố con người là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của Công ty. Chính sách đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên là một trong những chính sách được ưu tiên phát triển hàng đầu của Damsan.

Về tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Theo từng vị trí cụ thể, công ty đề ra các yêu cầu cơ bản về trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập, quyết đoán và các tiêu chí riêng khác của Công ty.

Về đào tạo

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về hội nhập, dịch vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo...

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong Công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc. Ngoài các chính sách lương, thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hàng năm, Công ty đều tổ chức đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc, mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty để có chính sách khen thưởng phù hợp. Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi, nhiều kinh nghiệm để thu hút nhân lực giỏi làm việc tại Công ty.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và mua Bảo hiểm sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

Về hoạt động đoàn thể, hàng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ mát, dã ngoại và thực hiện đầy đủ các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, thai sản, hiếu, hỷ... Đồng thời tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm tăng cường sức mạnh đoàn kết tập thể, tạo môi trường giao tiếp, gắn kết, khuyến khích nhân viên phát huy năng lực.



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Chia sẻ giá trị với cộng đồng được chúng tôi coi như một trong những sứ mệnh của mình và là một tiêu chí đo lường mức độ thành công của tổ chức. Thành công được sẻ chia mới có thể là thành công bền vững.

Xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh, có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình...tạo công an việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty cổ phần Damsan đã làm được. Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội. Hàng năm, công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh trong cuộc sống...cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn. Bên cạnh những đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, chúng tôi cũng làm tốt trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo môi trường sống của cộng đồng địa phương bằng việc thực hiện nghiêm túc và tự giác các quy định và giải pháp về môi trường.



TRÁCH NHIỆM VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của mối quan hệ với nhà đầu tư. Ban lãnh đạo Công ty luôn công bố thông tin một cách kịp thời, minh bạch, truyền tải thông tin tới nhà đầu tư thông qua chuyên mục “ Quan hệ cổ đông” trên website của Công ty và qua kênh thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ phận phụ trách công bố thông tin của Công ty luôn cập nhật các văn bản mới nhất về Quản trị công ty, công bố thông tin đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ đối với cổ đông của Công ty cũng như các nhà đầu tư quan tâm tới Công ty.



Đối với chính sách cổ tức dành cho cổ đông, Công ty thực hiện căn cứ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và được Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Theo đó:

- Công ty chỉ thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Cổ đông được chia cổ tức căn cứ theo phần vốn góp tại Công ty. Tỷ lệ chi trả cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ trên đề xuất của Hội đồng quản trị và căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm tiếp theo.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

Báo cáo của Ban Giám đốc
Báo cáo của kiểm toán độc lập
Bảng Cân đối kế toán
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh Báo cáo tài chính
Phụ lục

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 52

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DamSan (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần DamSan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 03 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 255.178.010.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, không trăm mười nghìn đồng chẵn), tổng số cổ phần là 25.517.801 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là ADS.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của 01 Công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Chi tiết đơn vị hạch toán phụ thuộc và các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1 - "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp" của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

- Ông Vũ Huy Đông
- Ông Đỗ Văn Khôi
- Ông Nguyễn Lê Hùng
- Ông Vũ Huy Đức
- Ông Lê Văn Tuấn

Chức vụ

- Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Vũ Huy Đông
- Bà Vũ Phương Diệp

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất gồm các vị như sau:

Ban Kiểm soát

- Ông Vũ Văn Hiệu
- Bà Vũ Thùy Linh
- Bà Tạ Thị Thu Hiền
- Bà Phạm Thị Hối

Chức vụ

- Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 14/4/2018)
- Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 20/4/2018)
- Thành viên (bổ nhiệm ngày 14/4/2018)
- Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Vũ Huy Đông - Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

<u>Tên đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Công ty con
Viện Dệt may	Công ty liên doanh, liên kết

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2019

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Huy Đông

Số: 68 /2019/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần DamSan

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần DamSan được lập ngày 05 tháng 04 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 52 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DamSan chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần DamSan, được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo đến thuyết minh số 5.3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Biên bản họp số 10012018-1/HĐQT ngày 10/01/2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho ông Vũ Huy Đông - Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên trên các sổ tiết kiệm gửi tại các tổ chức tín dụng. Tổng số tiền gửi có kỳ hạn đứng tên cá nhân tại ngày 31/12/2018 là 56.651.507.903 đồng. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này các sổ tiết kiệm đã được tắt toán, toàn bộ tiền gốc và lãi đã được chuyển về tài khoản Công ty. Vấn đề này không ảnh hưởng tới ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DamSan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 26 tháng 03 năm 2018.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.278.355.904.999	1.097.379.483.771
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	31.396.650.126	172.247.764.083
Tiền	111		29.096.559.715	162.958.693.777
Các khoản tương đương tiền	112		2.300.090.411	9.289.070.306
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		319.952.749.369	264.299.550.814
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	4.190.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	315.762.749.369	264.299.550.814
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		506.430.182.003	352.653.082.238
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	215.518.780.112	164.300.199.287
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	113.175.022.817	41.957.050.878
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	67.878.793.683	57.973.793.233
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	119.450.505.803	96.468.922.911
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.9	(9.592.920.412)	(8.046.884.071)
Hàng tồn kho	140	5.10	400.102.945.667	293.907.403.178
Hàng tồn kho	141		400.102.945.667	293.907.403.178
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.473.377.834	14.271.683.458
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	389.142.030	535.252.727
Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.208.408.697	12.097.212.698
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	875.827.107	1.639.218.033
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		434.552.277.188	467.752.451.970
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.606.902.550
Phải thu dài hạn khác	216		-	3.606.902.550
Tài sản cố định	220		390.681.837.234	450.990.034.187
Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	389.478.788.163	426.100.519.859
- Nguyên giá	222		727.266.620.651	699.611.800.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(337.787.832.488)	(273.511.281.076)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	23.590.199.913
- Nguyên giá	225		-	35.385.299.873
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(11.795.099.960)
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	1.203.049.071	1.299.314.415
- Nguyên giá	228		2.285.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.082.257.304)	(985.991.960)
Tài sản dở dang dài hạn	240		424.565.305	2.122.024.829
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		424.565.305	2.122.024.829
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	31.575.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		31.575.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		11.870.874.649	11.033.490.404
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	11.705.537.236	10.638.671.661
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		165.337.413	394.818.743
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.712.908.182.187	1.565.131.935.741

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

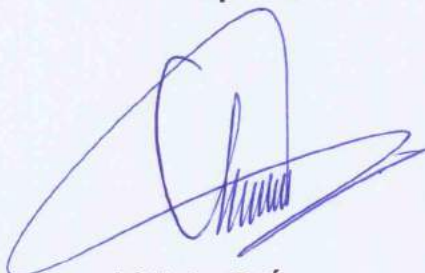
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.260.931.695.544	1.134.303.014.496
Nợ ngắn hạn	310		1.118.680.174.347	933.050.103.837
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	150.568.483.808	123.042.830.719
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	9.720.569.970	6.618.874.149
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.917.522.294	4.540.541.436
Phải trả người lao động	314		5.071.305.573	4.886.227.470
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	420.804.166	542.629.551
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		176.396.614	373.054.674
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	287.096.774.940	211.694.346.404
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	659.705.062.666	578.605.520.334
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.003.254.316	2.746.079.100
Nợ dài hạn	330		142.251.521.197	201.252.910.659
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	142.251.521.197	201.252.910.659
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		451.976.486.643	430.828.921.245
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	451.976.486.643	430.828.921.245
Vốn góp của chủ sở hữu	411		255.178.010.000	255.178.010.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		255.178.010.000	255.178.010.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		60.283.587.273	60.283.587.273
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.659.155.594	6.773.392.770
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.675.917.352	86.329.985.536
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32.151.445.496	20.254.822.499
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.524.471.856	66.075.163.037
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		42.885.792.148	19.969.921.390
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.712.908.182.187	1.565.131.935.741

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lê Xuân Chiến

Lê Xuân Chiến

Vũ Huy Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.839.442.890.839	1.503.377.958.705
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	336.700.205	732.509.861
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.839.106.190.634	1.502.645.448.844
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.709.214.196.484	1.380.874.334.410
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		129.891.994.150	121.771.114.434
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	28.438.178.916	32.812.734.356
Chi phí tài chính	22	6.4	62.509.756.314	39.430.268.948
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.563.073.169	34.384.607.970
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	11.125.290.346	13.050.112.324
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	30.773.445.415	29.884.017.807
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.921.680.991	72.219.449.711
Thu nhập khác	31	6.6	8.331.580.952	850.101.678
Chi phí khác	32	6.7	744.772.323	2.031.459.913
Lợi nhuận khác	40		7.586.808.629	(1.181.358.235)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.508.489.620	71.038.091.476
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.838.665.676	8.208.662.796
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		229.481.330	(29.332.118)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.440.342.614	62.858.760.798
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		50.524.471.856	57.917.983.036
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.915.870.758	4.940.777.762
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.940	3.284
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	1.940	3.284

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Xuân Chiến

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Xuân Chiến

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Huy Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mẫu số B 03-DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	61.508.489.620	71.038.091.476
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	61.574.671.519	60.250.738.454
Các khoản dự phòng	03	1.546.036.341	1.936.979.686
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.860.122.453	(1.289.648.851)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.630.352.381)	(26.410.896.506)
Chi phí lãi vay	06	41.563.073.169	34.384.607.970
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	142.422.040.721	139.909.872.229
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(168.281.664.680)	(121.921.608.177)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(106.195.542.489)	(89.433.740.298)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	125.527.411.030	5.749.312.375
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(920.754.878)	(921.042.965)
Tiền lãi vay đã trả	14	(41.684.898.554)	(34.345.604.368)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.419.436.188)	(6.165.119.674)
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(56.552.845.038)	(107.127.930.878)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.699.924.929)	(53.350.961.545)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	14.398.983.096	561.863.182
Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(316.614.831.034)	(131.367.442.466)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	260.033.050.814	62.206.553.225
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(31.575.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	24.600.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.037.197.714	24.150.337.049
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(50.420.524.339)	(73.199.650.555)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	146.403.887.273
Tiền thu từ đi vay	33	2.232.372.915.704	1.726.085.837.230
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.211.915.564.094)	(1.528.542.894.818)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.144.218.184)	(7.333.526.042)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(52.135.552.000)	(32.725.427.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(33.822.418.574)	303.887.876.643

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)****Mẫu số B 03-DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(140.795.787.951)	123.560.295.210
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	172.247.764.083	48.693.120.665
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(55.326.006)	(5.651.792)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	31.396.650.126	172.247.764.083

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC**




Lê Xuân Chiến

Lê Xuân Chiến

Vũ Huy Đông

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần DamSan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 03 năm 2018. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 07/03/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 255.178.010.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, không trăm mười ngàn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán ADS theo Quyết định số 724/TB-SGDHCM ngày 22/06/2016. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu ADS là ngày 29/06/2016.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: xây dựng công trình đường bộ;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: xây dựng công trình dân dụng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thảm, chăn đệm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2018 là 630 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 605 người).

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký và hoạt động)	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Thái Bình	80	80	Dệt sợi
Công ty liên kết				
Viện Dệt may	Hà Nội	30	30	Sản xuất sợi

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần DamSan và Báo cáo tài chính của 01 công ty con do Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con phải được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 - DN/HN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tất cả các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi và lỗ nội bộ thực hiện giữa các đơn vị trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng số vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong đó giá trị của hàng tồn kho được xác định theo giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.6.2 Tài sản thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị	10 năm
------------------	--------

4.6.3 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất (20 năm). Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 7 năm.

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Tại ngày 16 tháng 08 năm 2018, theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 16082018/HĐQT, Công ty thông qua việc chuyển nhượng số cổ phần đã đầu tư vào Viện Dệt may cho các nhà đầu tư bên ngoài trong thời gian từ quý IV/2018 đến quý II/2019. Do vậy, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư Công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu mà hợp nhất theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các công cụ dụng cụ, chi phí mua bảo hiểm và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

- (v) Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau: Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua; Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản; Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong năm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

Các mặt hàng khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy DamSan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Nhà máy DamSan

II được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 17% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 10%. Năm 2018 là năm thứ 12 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan I và là năm thứ 8 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan II.

Công ty Cổ phần Sợi Eiffel - Công ty con của Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư trong khu công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập. Theo đó Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2018, là năm thứ hai Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.20. Giao dịch mua, chuyển nhượng cổ phần quan trọng trong năm

Trong năm, Công ty thông qua Tờ trình Phương án mua cổ phần Viện Dệt may Việt Nam theo Nghị quyết số 1404/2018/NQ-ĐHĐ/ADS ngày 14 tháng 04 năm 2018.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, Công ty hoàn thành việc mua 1.500.000 cổ phiếu Viện Dệt may (tương ứng 30% tỷ lệ sở hữu) với số tiền 31.575.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt (i)	146.071.391	492.293.862
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	28.950.488.324	162.466.399.915
Các khoản tương đương tiền (iii)	2.300.090.411	9.289.070.306
Cộng	31.396.650.126	172.247.764.083

TIỀN MẶT**(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		146.071.391
Cộng		146.071.391

TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ		21.591.331.476
USD	931.026,43	21.588.662.139
EURO	101,60	2.669.337
Đồng Việt Nam		7.359.156.848
Cộng		28.950.488.324

CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		2.300.090.411
Cộng		2.300.090.411

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái với lãi suất từ 4,9% - 6,6%/năm và tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình với lãi suất 4,6%/năm.

5.2 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành:

- Số lượng 419 trái phiếu; Mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu.
- Ngày phát hành: 19 tháng 12 năm 2018, kỳ hạn 7 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Lãi suất: bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng Tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 0,8% (không phải tám phần trăm)/năm.

Giá gốc chứng khoán kinh doanh: 4.190.000.000 đồng; giá trị hợp lý: 4.190.000.000 đồng; dự phòng: 0 đồng.

5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	315.762.749.369	264.299.550.814
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thái Bình {a}	78.473.233.749	66.179.475.830
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {b}	29.795.530.200	28.728.125.000
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {c}	24.097.317.679	22.618.499.340
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {d}	55.418.347.299	55.043.090.491
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	41.014.653.731	40.942.880.016
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở {f}	5.950.000.000	23.190.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {g}	32.850.000.000	13.950.000.000
Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội {h}	20.200.000.000	9.066.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội {i}	11.300.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình {j}	15.451.344.966	1.161.880.191
Tổ chức tín dụng khác {k}	1.212.321.745	3.419.599.946
b) Dài hạn	-	-
Cộng	315.762.749.369	264.299.550.814

- {a} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất 6,4%/năm đến 6,8%/năm.
- {b} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô, Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất 6,8%/năm.
- {c} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất 7%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, số tiền 21.597.317.679 đồng, có lãi suất 7,2%/năm đến 7,3%/năm.
- {d} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 6,3%/năm đến 6,4%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, số tiền 31.575.869.782 đồng, có lãi suất 6,6%/năm đến 6,9%/năm.
- {e} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 7,3%/năm đến 7,6%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, số tiền 1.014.653.731 đồng, có lãi suất 7,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 - DN/HN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- {f} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 6,8%/năm đến 6,9%/năm và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 8,75%/năm.
- {g} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đến 13 tháng, có lãi suất từ 6,4%/năm đến 6,9%/năm.
- {h} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng, có lãi suất từ 7,4%/năm.
- {i} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 7,1%/năm.
- {j} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng, có lãi suất 7,3%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 13 tháng, số tiền 1.251.344.966 đồng, có lãi suất 7,2%/năm.
- {k} Tiền gửi tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Thái Bình số tiền 1.212.321.745 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7,1%/năm.

Tổng số tiền gửi tiết kiệm được ủy quyền ông Vũ Huy Đông đứng tên tại các tổ chức tín dụng là 56.651.507.903 đồng.

5.4 Phải thu khách hàng

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	215.518.780.112	164.300.199.287
Phải thu khách hàng nước ngoài	42.404.327.029	31.254.071.842
+ Ning Bo Cimei Im&Ex Co.,ltd	14.069.772.332	-
+ China Ctexic Corporation	9.217.417.422	-
+ China Textile Industrial Corporation For Foreign Economic and Technical Cooperation	-	13.624.508.210
+ BILLION MAX INTERNATIONAL HOLDING LTD	-	4.260.320.744
+ Khách hàng khác	19.117.137.275	13.369.242.888
Phải thu khách hàng trong nước	32.766.592.894	42.310.372.434
+ Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	2.434.615.607	15.866.979.482
+ Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Artex	4.240.769.264	4.240.769.264
+ Công ty TNHH dệt may Minh Thành Hà Nội	3.494.336.304	3.373.115.292
+ Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	8.196.790.091	-
+ Khách hàng khác	14.400.081.628	18.829.508.396
Phải thu khách hàng mua bất động sản	140.347.860.189	90.735.755.011
+ Ông Nguyễn Văn Dũng	6.626.864.345	9.202.510.586
+ Ông Trần Văn Việt	4.614.145.880	6.570.324.000
+ Ông Nguyễn Cảnh Tuấn	3.761.017.861	-
+ Ông Đặng Văn Đăng	3.538.915.037	3.371.140.000
+ Khách hàng khác	121.806.917.066	71.591.780.425
Cộng	215.518.780.112	164.300.199.287
Trong đó phải thu bên liên quan (xem thuyết minh 8.3)	8.196.790.091	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5 Trả trước cho người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	113.175.022.817	41.957.050.878
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	84.739.011.399	12.166.022.910
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	10.077.361.494	-
TRIL UNION MANAGEMENT CO., LTD	2.408.863.033	1.087.511.285
Trả trước cho người bán khác	15.949.786.891	28.703.516.683
b) Dài hạn	-	-
Cộng	113.175.022.817	41.957.050.878
Trong đó phải thu bên liên quan (xem thuyết minh 8.3)	84.739.011.399	12.166.022.910

5.6 Phải thu về cho vay

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	Trình bày lại (VND)
a) Ngắn hạn	67.878.793.683	57.973.793.233
Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình (i)	51.703.270.608	51.703.270.608
+ Dự án Quang Trung	30.573.860.277	30.573.860.277
+ Dự án Phú Xuân	21.129.410.331	21.129.410.331
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (ii)	4.149.541.428	4.149.541.428
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bồ Xuyên	2.372.275.700	2.372.275.700
Ông Hoàng Minh Tiến (iii)	5.000.000.000	-
Tổ chức cá nhân khác	7.025.981.647	2.120.981.197
b) Dài hạn	-	-
Cộng	67.878.793.683	57.973.793.233
Trong đó phải thu về cho vay là bên liên quan (xem thuyết minh 8.3)	90.000.000	90.000.000

- (i) Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư Xây dựng Công trình khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình với lãi suất 10,4%/năm.
- (ii) Khoản tiền Công ty ứng cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư dự án khu dân cư Lê Hồng Phong, và dự án Bồ Xuyên với lãi suất 10,4%/năm.
- (iii) Khoản cho ông Hoàng Minh Tiến vay ngày 08 tháng 08 năm 2018 với số tiền 5.000.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	Trình bày lại (VND)
a) Ngắn hạn	119.450.505.803	96.468.922.911
Bảo hiểm xã hội	-	294.752.631
Tạm ứng	10.980.668.571	10.082.464.361
Ký cược, ký quỹ	1.965.814.000	1.247.524.872
Phải thu khác	106.504.023.232	84.844.181.047
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình</i>	<i>632.207.000</i>	<i>632.207.000</i>
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>15.718.468.587</i>	<i>13.059.730.915</i>
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình {i}</i>	<i>7.026.557.116</i>	<i>7.071.411.542</i>
<i>Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình {ii}</i>	<i>3.490.611.275</i>	<i>3.490.611.275</i>
<i>Sở Tài chính Tỉnh Thái Bình {iii}</i>	<i>76.041.312.586</i>	<i>45.977.047.946</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC</i>	<i>-</i>	<i>8.370.124.328</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>3.594.866.668</i>	<i>6.875.255.041</i>
Cộng	119.450.505.803	96.468.922.911
b) Dài hạn	-	-
Trong đó phải thu bên liên quan (xem thuyết minh 8.3)	76.306.182	8.446.430.510

{i} Lãi dự thu Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.

{ii} Lãi dự thu Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Lê Hồng Phong.

{iii} Tiền thu hộ theo quyết định số 4581/UBND – KT ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	389.142.030	535.252.727
Cộng	389.142.030	535.252.727
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.939.991.521	10.638.671.661
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.765.545.715	-
Cộng	11.705.537.236	10.638.671.661

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN**5.9 Nợ xấu**

	31/12/2018 (VND)			01/01/2018 Trình bày lại (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	10.668.032.402	1.075.111.990	9.592.920.412	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	508.960.639	356.272.447	152.688.192	358.940.340	251.258.238	107.682.102
Từ 1 năm đến 2 năm	524.127.224	262.063.612	262.063.612	1.296.993.560	648.496.780	648.496.780
Từ 2 năm đến 3 năm	1.522.586.436	456.775.931	1.065.810.505	1.355.502.371	406.650.711	948.851.660
Trên 3 năm	8.112.358.103	-	8.112.358.103	6.341.853.529	-	6.341.853.529
GHULAM RABBANI AND CO	833.194.874	-	833.194.874	833.194.874	-	833.194.874
SOFEENE ENTERPRISES	761.021.813	-	761.021.813	761.021.813	-	761.021.813
LGW Limited	545.706.638	-	545.706.638	545.706.638	-	545.706.638
SAURASHATRA COTTON & AGRO PRODUCTS PVT., LTD	405.703.253	-	405.703.253	405.703.253	-	405.703.253
Đối tượng khác	5.566.731.525	-	5.566.731.525	3.796.226.951	-	3.796.226.951
Cộng	10.668.032.402	1.075.111.990	9.592.920.412	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.10 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	176.459.325.587	-	68.301.326.456	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.455.497.187	-	6.844.435.570	-
Công cụ, dụng cụ	187.589.666.991	-	178.346.795.242	-
Chi phí SXKD dở dang	77.745.135.661	-	80.673.711.353	-
Dự án Phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình	64.403.262.857	-	72.508.362.372	-
Dự án nhà ở xã hội, nhà ở thương mại Quang Trung	310.913.727	-	-	-
Dự án Lê Hồng Phong	1.604.050.807	-	-	-
Dự án KCN An Ninh	451.489.802	-	-	-
Dự án văn phòng Hồ Chí Minh	15.642.224.654	-	-	-
Sản phẩm dở dang	27.432.589.483	-	25.164.721.517	-
Thành phẩm	27.299.386.307	-	34.459.257.443	-
Hàng hóa	1.189.863.716	-	5.617.076.592	-
Hàng gửi đi bán	109.205.879	-	338.511.875	-
Cộng	400.102.945.667	-	293.907.403.178	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	124.157.723.069	562.584.504.041	12.353.103.188	516.470.637	699.611.800.935
Mua sắm trong năm	-	6.705.089.273	757.209.091	34.400.000	7.496.698.364
Thanh lý, nhượng bán	-	(15.430.405.086)	-	-	(15.430.405.086)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	35.588.526.438	-	-	35.588.526.438
Số dư tại ngày 31/12/2018	124.157.723.069	589.447.714.666	13.110.312.279	550.870.637	727.266.620.651
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2018	30.176.105.844	239.076.848.628	3.810.287.590	448.039.014	273.511.281.076
Khấu hao trong năm	7.389.148.209	51.249.230.632	1.331.599.682	34.040.157	60.004.018.680
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.996.954.723)	-	-	(8.996.954.723)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	13.269.487.455	-	-	13.269.487.455
Số dư tại ngày 31/12/2018	37.565.254.053	294.598.611.992	5.141.887.272	482.079.171	337.787.832.488
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	93.981.617.225	323.507.655.413	8.542.815.598	68.431.623	426.100.519.859
Tại ngày 31/12/2018	86.592.469.016	294.849.102.674	7.968.425.007	68.791.466	389.478.788.163

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 102.818.075.965 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 60.902.827.422 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 377.013.257.876 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 426.100.519.859 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.12 Tặng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục

NGUYÊN GIÁ

Số dư tại ngày 01/01/2018

Số dư tại ngày 31/12/2018

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại ngày 01/01/2018

Khấu hao trong năm

Số dư tại ngày 31/12/2018

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2018

Tại ngày 31/12/2018

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy vi tính (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2018	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Số dư tại ngày 31/12/2018	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Số dư tại ngày 01/01/2018	625.991.960	360.000.000	985.991.960
Khấu hao trong năm	96.265.344	-	96.265.344
Số dư tại ngày 31/12/2018	722.257.304	360.000.000	1.082.257.304
Tại ngày 01/01/2018	1.299.314.415	-	1.299.314.415
Tại ngày 31/12/2018	1.203.049.071	-	1.203.049.071

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ biểu quyết
a) Dài hạn				
Đầu tư vào Công ty liên kết		31.575.000.000	-	-
Viện Dệt may (i)	30%	31.575.000.000	-	0%
Cộng		31.575.000.000	-	-

(i) Viện Dệt may có vốn điều lệ tại ngày 31/12/2018 là 50.000.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may...

Tại ngày 16 tháng 08 năm 2018, theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 16082018/HĐQT, Công ty thông qua việc chuyển nhượng số cổ phần đã đầu tư vào Viện Dệt may cho các nhà đầu tư bên ngoài trong thời gian từ quý IV/2018 đến quý II/2019. Do vậy, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư Công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu mà hợp nhất theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	150.568.483.808	123.042.830.719
Phải trả cho nhà thầu xây lắp	96.266.707.429	20.128.212.333
Nhà thầu trong nước	96.266.707.429	20.128.212.333
+ Công ty Cổ phần Xây dựng GM	63.059.209.017	5.675.006.386
+ Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	22.437.973.625	4.643.526.158
+ Công ty CP Xây dựng số 2	5.566.487.400	6.066.487.400
+ Người bán khác	5.203.037.387	3.743.192.389
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh	54.301.776.379	102.914.618.386
Nhà cung cấp trong nước	39.641.585.961	40.949.253.509
+ Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	-	21.637.903.680
+ Công ty CP Đức Quân	6.400.664.403	-
+ Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	13.164.521.580	-
+ Công ty TNHH Đông Phong	4.231.688.927	6.425.160.819
+ Người bán khác	15.844.711.051	12.886.189.010
Nhà cung cấp nước ngoài	14.660.190.418	61.965.364.877
+ RCMA Asia Pte Ltd	12.160.989.086	-
+ UDAY COTTON INDUSTRIES	700.276.448	7.660.210.934
+ Textile enterprises limited	965.880.353	8.321.618.701
+ Người bán khác	833.044.531	45.983.535.242
b) Dài hạn	-	-
Cộng	150.568.483.808	123.042.830.719
Trong đó Phải trả người bán là bên liên quan (Xem thuyết minh 8.3)	-	21.637.903.680

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Trả trước cho hoạt động bất động sản	7.310.071.545	5.478.928.163
Bằng Đồng Việt Nam	7.310.071.545	5.478.928.163
+ Ông Đỗ Văn Ngân	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Ông Phạm Thành Quận	1.045.000.000	-
+ Người mua khác	5.265.071.545	4.478.928.163
Trả trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	2.410.498.425	1.139.945.986
Bằng Đồng Việt Nam	814.533.491	1.053.299.863
Bằng ngoại tệ khác	1.595.964.934	86.646.123
Cộng	9.720.569.970	6.618.874.149

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp trong năm (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Các khoản phải thu				
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	544.294.281	53.901.524	54.019.711	544.176.094
Thuế thu nhập cá nhân	21.369.607	2.977.227.643	2.205.870.157	792.727.093
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	310.163.219	539.451.326	561.299.699	288.314.846
Các loại thuế khác	-	37.960.000	23.960.000	14.000.000
Cộng	875.827.107	3.608.540.493	2.845.149.567	1.639.218.033
b. Các khoản phải nộp				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	1.555.613	1.555.613
Thuế giá trị gia tăng	-	111.897.779.758	111.924.969.105	27.189.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.893.474.619	4.838.665.676	7.419.436.188	4.474.245.131
Thuế thu nhập cá nhân	24.047.675	384.454.059	397.957.729	37.551.345
Cộng	1.917.522.294	117.120.899.493	119.743.918.635	4.540.541.436

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	420.804.166	542.629.551
Lãi vay phải trả	416.389.348	538.214.733
Chi phí phải trả khác	4.414.818	4.414.818
b) Dài hạn	-	-
Cộng	420.804.166	542.629.551

5.18 Phải trả khác

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	287.096.774.940	211.694.346.404
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	39.003.602
Kinh phí công đoàn	370.276.380	277.318.160
Bảo hiểm xã hội	41.326.831	27.882.252
Bảo hiểm y tế	4.794.330	36.788.073
Bảo hiểm thất nghiệp	3.774.749	27.912.692
Các khoản phải trả, phải nộp khác	286.676.602.650	211.285.441.625
<i>Trong đó</i>		
Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình (i)	107.922.000.000	107.922.000.000
Cổ tức chưa chi	2.922.585.000	1.022.535.000
Phí bảo trì tòa nhà	4.186.952.279	3.591.544.485
Thu tiền ứng vốn dự án Phú Xuân	169.518.775.688	95.512.890.788
Phải trả khác	2.126.289.683	3.236.471.352
b) Dài hạn	-	-
Cộng	287.096.774.940	211.694.346.404

- (i) Phải trả tiền đất dự án Phú Xuân theo Quyết định số 3202/QĐ UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ngày 8 tháng 11 năm 2016 và theo hướng dẫn của Tờ trình số 708/TTr -STC do Sở Tài chính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ngày 16 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính**a) Gốc vay ngắn hạn**

	31/12/2018	Trong năm		01/01/2018
	(VND)	Tăng	Giảm	(VND)
Vay ngắn hạn bằng Đô la Mỹ	435.880.513.348	1.686.315.501.097	1.650.898.484.635	400.463.496.886
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội {a}	102.784.731.345	220.413.575.816	194.097.534.471	76.468.690.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {b}	51.128.000.000	217.364.300.000	266.204.300.000	99.968.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {c}	34.216.640.000	120.518.573.355	145.936.084.977	59.634.151.622
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {d}	23.646.700.000	70.224.805.000	68.908.785.000	22.330.680.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hải Phòng	-	131.386.149.058	196.406.949.937	65.020.800.879
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	64.124.989.443	148.474.186.580	113.194.846.097	28.845.648.960
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {f}	45.925.110.000	588.409.721.500	581.805.482.500	39.320.871.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	-	19.812.675.798	28.687.330.223	8.874.654.425
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {g}	21.300.076.000	76.695.394.144	55.395.318.144	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội {h}	28.118.076.000	28.185.308.000	67.232.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình {i}	64.636.190.560	64.830.811.846	194.621.286	-
Vay ngắn hạn bằng Việt Nam Đồng	206.998.241.238	543.891.984.290	477.974.744.652	141.081.001.600
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {f}	129.431.256.456	292.694.640.537	273.994.385.681	110.731.001.600
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	35.740.416.302	99.132.171.422	93.741.755.120	30.350.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	93.738.603.851	93.738.603.851	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {g}	8.936.568.480	14.036.568.480	5.100.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {c}	32.890.000.000	44.290.000.000	11.400.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.19b)	16.826.308.080			37.061.021.848
Cộng	659.705.062.666			578.605.520.334

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản nợ vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

- {a} Khoản vay Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2150/IVB-HĐHM/2017 ngày 20 tháng 12 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD (bốn triệu đô la Mỹ chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc tại nhà máy Damsan I - KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình.
Và Khoản vay theo thỏa thuận số 02/ST/18/DAMSAN ngày 08 tháng 08 năm 2018 trị giá 615.000 USD thời hạn cho vay từ 08 tháng 08 năm 2018 đến 11 tháng 02 năm 2019. Mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.
- {b} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng số 16/2018/HĐHM/PVC-CNTB ngày 15 tháng 11 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng chẵn). Thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (ngoại trừ hoạt động kinh doanh bất động sản). Tài sản bảo đảm là số tiết kiệm có giá trị tối thiểu 40 tỷ đồng, các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của Công ty.
- {c} Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 27876.17.755.1155640.TD ngày 21 tháng 11 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Khoản vay có tài sản bảo đảm là tiền mặt, tiền gửi, thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi tại MBBank, xe ô tô Audi, hàng tồn kho, khoản phải thu/quyền đòi nợ, tài sản khác của Công ty, hàng hóa hình thành từ phương án L/C 70%, 01 hệ thống xử lý bóng xuất xứ Thái Lan (nhập khẩu theo Hợp đồng nhập khẩu số 170224/SO-01).
- {d} Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng tín dụng số 5728/18/HĐTDHM-DN/013 ngày 01 tháng 09 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các chứng từ có giá do ngân hàng phát hành.
- {e} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2127123/HĐTD ngày 04 tháng 09 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 (chín mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31 tháng 08 năm 2019. Thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được bảo đảm giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành.
- Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/7217771/HĐTD ngày 31 tháng 08 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 65.000.000.000 đồng (sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn), thời hạn hiệu lực của

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay được bảo đảm theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị nhà máy.

{f} Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-201800750/HĐTĐ-DS ngày 11 tháng 09 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 05/09/2018, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản bao gồm nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất sợi Damsan II tại KCN Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành.

{g} Khoản vay 2018 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/2018-HĐCVHM/NHCT360-DAMSAN ngày 26 tháng 11 năm. Tổng hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 10 năm 2019. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Lãi suất, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng cầm cố chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng cho vay. Tại mọi thời điểm tỷ lệ số dư tín dụng có tài sản đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 70%.

{h} Khoản vay 2018 Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0145/HĐTĐHM ngày 24 tháng 05 năm. Tổng hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 24 tháng 05 năm 2018. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Lãi suất, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng cầm cố chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng cho vay. Tại mọi thời điểm tỷ lệ số dư tín dụng có tài sản đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 40%.

{i} Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 296/HĐHM-PN/SHB.112600 ngày 20 tháng 07 năm 2018. Tổng hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 20 tháng 07 năm 2018. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh của công ty. Lãi suất, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN**b) Gốc vay dài hạn**

	31/12/2018 (VND)	Trong năm (VND)		01/01/2018 (VND)
		Tăng	Giảm	
Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ	159.077.829.277	4.038.965.631	14.310.102.905	169.348.966.551
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	-	611.242	1.390.266.973	1.389.655.731
Ngân hàng NNo&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-	5.943.943	938.118.168	932.174.225
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {a}	10.002.575.708	310.769.765	4.283.401.894	13.975.207.837
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình {b}	149.075.253.569	3.721.640.681	7.698.315.870	153.051.928.758
Vay dài hạn bằng Việt Nam Đồng	-	-	66.820.747.772	66.820.747.772
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-	-	12.656.007.672	12.656.007.672
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	-	-	54.164.740.100	54.164.740.100
Nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	2.144.218.184	2.144.218.184
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	-	-	2.144.218.184	2.144.218.184
Trừ: Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	(16.826.308.080)	-	-	(37.061.021.848)
(Được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)				
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-	-	-	(8.660.239.815)
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Thái Bình	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng -Hội Sở	-	-	-	(1.389.655.731)
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình	(4.276.708.080)	-	-	(4.191.708.118)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	(12.549.600.000)	-	-	(20.675.200.000)
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	-	-	-	(2.144.218.184)
Cộng	142.251.521.197			201.252.910.659

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản nợ vay dài hạn

- {a} Hợp đồng tín dụng hạn mức số 46.15.755.1155640.TD ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tổng hạn mức tín dụng 135.590 Euro hoặc VND/USD tương đương. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng và Công ty. Lãi suất nợ quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là để thanh toán máy móc thiết bị theo hợp đồng số 1402137 ngày 06 tháng 01 năm 2015. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị theo hợp đồng nhập khẩu số 1402137 ngày 06 tháng 01 năm 2015 có tổng giá trị là 193.700 EUR.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hợp đồng tín dụng số 3422.16.755.1155640.TD ngày 29 tháng 01 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 53.000.000.000 đồng (năm mươi ba tỷ đồng). Thời hạn của mỗi khoản cấp tín dụng không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh, kỳ trả gốc và lãi theo từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay là xây dựng nhà xưởng và tài trợ nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy dệt khăn cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Damsan", mở L/C. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hình thành từ vốn tự có của khách hàng để hoàn thiện Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy dệt khăn cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Damsan".

- {b} Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/727771/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2015, phụ lục Hợp đồng ngày 09 tháng 08 năm 2017. Tổng số tiền vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 6.414.597,83 USD, với thời hạn vay 102 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Mỗi khoản vay có thời hạn là 180 ngày và ân hạn trong 06 tháng, lãi suất theo từng khế ước. Mục đích vay: đầu tư xây dựng và mua máy móc thiết bị nhà máy kéo sợi EIFFEL. Tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay dự án, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Lô 159/14/KCN Gia Lễ, Đông Xuân, Đông Hưng, Thái Bình

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
	Giá trị	Giá trị
Trong vòng một năm	16.826.308.080	37.061.021.848
Từ hai đến năm thứ năm	142.251.521.197	201.252.910.659
Cộng	159.077.829.277	238.313.932.507
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	16.826.308.080	37.061.021.848
Số phải trả sau 12 tháng	142.251.521.197	201.252.910.659

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận Sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Cộng (VND)
Tại ngày 01/01/2017	168.734.810.000	322.900.000	2.294.024.276	5.007.392.770	64.991.964.500	15.029.143.628	256.380.235.174
Tăng vốn trong năm	86.443.200.000	59.960.687.273	-	-	-	-	146.403.887.273
Lãi trong năm	-	-	-	-	57.917.983.036	4.940.777.762	62.858.760.798
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.766.000.000	(1.766.000.000)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(33.747.962.000)	-	(33.747.962.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.066.000.000)	-	(1.066.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	255.178.010.000	60.283.587.273	2.294.024.276	6.773.392.770	86.329.985.536	19.969.921.390	430.828.921.245
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	50.524.471.856	5.915.870.758	56.440.342.614
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	1.885.762.824	(1.885.762.824)	-	-
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(51.035.602.000)	(3.000.000.000)	(54.035.602.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.257.175.216)	-	(1.257.175.216)
Tại ngày 31/12/2018	255.178.010.000	60.283.587.273	2.294.024.276	8.659.155.594	82.675.917.352	42.885.792.148	451.976.486.643

(i) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 1404/2018/NQ-ĐHĐCĐ/ADS ngày 14 tháng 04 năm 2018 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2017:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển (3% lợi nhuận sau thuế):

1.885.762.824 đồng

Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (2% lợi nhuận sau thuế):

1.257.175.216 đồng

Chia cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 20%):

51.035.602.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

b) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.517.801	25.517.801
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu phổ thông	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu phổ thông	25.517.801	25.517.801
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.839.442.890.839	1.503.377.958.705
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.674.031.438.449	1.328.277.981.531
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.021.873.526	3.433.683.917
Doanh thu kinh doanh bất động sản	147.056.784.109	171.666.293.257
Doanh thu khác	2.332.794.755	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(336.700.205)	(732.509.861)
- Giảm giá hàng bán	(336.700.205)	-
- Hàng bán bị trả lại	-	(732.509.861)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.839.106.190.634	1.502.645.448.844

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018	Năm 2017
	(VND)	(VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.580.640.876.349	1.235.008.918.581
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.305.558.852	1.548.777.460
Giá vốn bất động sản đã bán	118.267.761.283	144.316.638.369
Cộng	1.709.214.196.484	1.380.874.334.410

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.695.935.386	27.358.700.711
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.742.243.530	5.454.033.645
Cộng	28.438.178.916	32.812.734.356

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền vay	41.563.073.169	34.384.607.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.650.629.480	5.045.132.978
Chi phí tài chính khác	296.053.665	528.000
Cộng	62.509.756.314	39.430.268.948

6.5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.773.445.415	29.884.017.807
Chi phí khấu hao	3.602.055.942	2.413.000.570
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	8.843.917.628	6.053.749.451
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(56.865.995)	-
Trích dự phòng phải thu khó đòi	1.602.902.336	1.936.979.686
Chi phí mua ngoài khác	16.781.435.504	19.480.288.100
b) Chi phí bán hàng	11.125.290.346	13.050.112.324
Chi phí nhân viên	634.790.929	536.008.547
Chi phí hoa hồng	2.206.945.080	2.481.003.979
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	6.927.028.092	8.516.252.952
Chi phí khác	1.356.526.245	1.516.846.846
Cộng	41.898.735.761	42.934.130.131

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Thu phí chuyển nhượng lô đất	964.420.750	122.140.000
Thu lãi phạt hợp đồng kinh tế	230.039.500	-
Thu từ thanh lý TSCĐ	6.021.532.733	119.354.768
Thu tiền chiết khấu	13.636.364	-
Thu nhập khác	1.101.951.605	608.606.910
Cộng	8.331.580.952	850.101.678

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 - DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.7. Chi phí khác

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	447.759.900	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	8.213.032	1.331.761.586
Chi phí tài trợ không được tính vào chi phí được trừ	187.030.605	-
Chi phí khác	101.768.786	699.698.327
Cộng	744.772.323	2.031.459.913

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	50.524.471.856	57.917.983.036
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(1.010.489.437)	(1.737.539.491)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.513.982.419	56.180.443.545
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.517.801	17.109.665
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.940	3.284

(*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2017 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 1404/2018/NQ-ĐHĐCĐ/ADS ngày 14 tháng 04 năm 2018.

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	690.117.262.136	473.189.079.541
Chi phí nhân công	63.384.800.382	59.627.527.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.574.671.519	60.330.738.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.696.475.504	754.854.033.167
Chi phí khác bằng tiền	19.457.739.253	45.542.682.810
Cộng	974.230.948.794	1.393.544.061.630

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Số tiền đi vay thực thu/thực trả trong năm:**

Số dư các khoản vay tại ngày 01/01/2018	816.433.921.310 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.232.372.915.704 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.214.059.782.278 VND
Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá tại ngày 31/12/2018	3.785.019.444 VND
Số dư các khoản vay tại ngày 31/12/2018	801.956.583.863 VND

7.2 Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư:

Khấu hao Tài sản cố định hữu hình trong năm	60.004.018.680 VND
Khấu hao Tài sản cố định thuê tài chính trong năm	1.474.387.495 VND
Khấu hao Tài sản cố định vô hình trong năm	96.265.344 VND
Tổng cộng	61.574.671.519 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Báo cáo bộ phận****8.1.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh****Bảng cân đối kế toán**

	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động KD bất động sản	Tổng cộng
	31/12/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)	31/12/2018 (VND)
Tài sản					
Tài sản bộ phận	263.675.491.063	60.091.722.463	100.996.831.889	304.032.703.181	728.796.748.596
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	984.111.433.591
Tổng tài sản hợp nhất	263.675.491.063	60.091.722.463	100.996.831.889	304.032.703.181	1.712.908.182.187
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	28.531.729.557	15.600.348.844	13.797.505.128	102.359.470.249	160.289.053.778
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.100.642.641.766
Tổng nợ phải trả hợp nhất	28.531.729.557	15.600.348.844	13.797.505.128	102.359.470.249	1.260.931.695.544
	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tài sản					
Tài sản bộ phận	75.362.401.543	59.119.782.115	134.870.442.561	202.351.263.371	471.703.889.590
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	1.093.428.046.151
Tổng tài sản hợp nhất	75.362.401.543	59.119.782.115	134.870.442.561	202.351.263.371	1.565.131.935.741
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	61.933.626.839	1.938.709.428	9.082.542.129	25.607.140.496	98.562.018.892
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.035.740.995.604
Tổng nợ phải trả hợp nhất	61.933.626.839	1.938.709.428	9.082.542.129	25.607.140.496	1.134.303.014.496

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Hoạt động kinh doanh Tổng (VND)	Hoạt động kinh doanh Sợi (VND)	Hoạt động kinh doanh Khăn (VND)	Hoạt động KD bất động sản (VND)	Hoạt động khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	241.178.452.457	1.165.536.425.817	271.056.244.976	147.056.784.109	14.278.283.275	1.839.106.190.634
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác						
Tổng Doanh thu	241.178.452.457	1.165.536.425.817	271.056.244.976	147.056.784.109	14.278.283.275	1.839.106.190.634
Khấu hao và chi phí phân bổ	229.639.109.056	1.109.770.560.637	258.087.378.728	140.020.754.505	13.595.129.319	1.751.112.932.245
Kết quả kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	11.539.343.401	55.765.865.180	12.968.866.248	7.036.029.604	683.153.956	87.993.258.389
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.539.343.401	55.765.865.180	12.968.866.248	7.036.029.604	683.153.956	87.993.258.389
Doanh thu từ các khoản đầu tư Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-	28.438.178.916
Chi phí tài chính						7.586.808.629
Lợi nhuận trước thuế						62.509.756.314
Chi phí thuế TNDN						61.508.489.620
Lợi nhuận trong năm						5.068.147.006
						56.440.342.614

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Hoạt động kinh doanh Bông (VND)	Hoạt động kinh doanh Sợi (VND)	Hoạt động kinh doanh Khăn (VND)	Hoạt động KD bất động sản (VND)	Hoạt động khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	110.616.702.263	979.541.480.450	233.286.498.395	171.666.293.257	7.534.474.479	1.502.645.448.844
Tổng Doanh thu	110.616.702.263	979.541.480.450	233.286.498.395	171.666.293.257	7.534.474.479	1.502.645.448.844
Khấu hao và chi phí phân bổ	104.813.146.123	928.149.386.342	221.047.015.005	162.659.742.259	7.139.174.812	1.423.808.464.541
Kết quả kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.803.556.140	51.392.094.108	12.239.483.390	9.006.550.998	395.299.667	78.836.984.303
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.803.556.140	51.392.094.108	12.239.483.390	9.006.550.998	395.299.667	78.836.984.303
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	32.812.734.356
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-	(1.181.358.235)
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	39.430.268.948
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	71.038.091.476
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	8.179.330.678
Lợi nhuận trong năm						62.858.760.798

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 - DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.1.2 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Chỉ tiêu	Thị trường nội địa	Thị trường xuất khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	
1. Doanh thu thuần từ bán hàng	857.169.005.265	981.937.185.369	1.839.106.190.634
2. Tài sản bộ phận	1.661.220.318.588	51.687.863.599	1.712.908.182.187

8.2. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Đơn vị tính: VND		
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.396.650.126	-	31.396.650.126
Phải thu khách hàng	215.518.780.112	-	215.518.780.112
Đầu tư	319.952.749.369	31.575.000.000	351.527.749.369
Phải thu về cho vay	67.878.793.683	-	67.878.793.683
Phải thu khác	119.450.505.803	-	119.450.505.803
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	9.592.920.412	-	9.592.920.412
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	744.604.558.681	31.575.000.000	776.179.558.681
Ngày 31/12/2018			
Các khoản vay và nợ	659.705.062.666	142.251.521.197	801.956.583.863
Phải trả người bán	150.568.483.808	-	150.568.483.808
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	287.517.579.106	-	287.517.579.106
Tổng cộng	1.097.791.125.580	142.251.521.197	1.240.042.646.777
Chênh lệch thanh khoản thuần	(353.186.566.899)	(110.676.521.197)	(463.863.088.096)
Ngày 01/01/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.247.764.083	-	172.247.764.083
Phải thu khách hàng	164.300.199.287	-	164.300.199.287
Đầu tư	264.299.550.814	-	264.299.550.814
Phải thu về cho vay	57.973.793.233	-	57.973.793.233
Phải thu khác	96.468.922.911	3.606.902.550	100.075.825.461
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	8.046.884.071	-	8.046.884.071
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	747.243.346.257	3.606.902.550	750.850.248.807
Ngày 01/01/2018			
Các khoản vay và nợ	578.605.520.334	201.252.910.659	779.858.430.993
Phải trả người bán	123.042.830.719	-	123.042.830.719
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	212.236.975.955	-	212.236.975.955
Tổng cộng	913.885.327.008	201.252.910.659	1.115.138.237.667
Chênh lệch thanh khoản thuần	(166.641.980.751)	(197.646.008.109)	(364.287.988.860)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	402.848.079.598	322.349.817.981	402.848.079.598	322.349.817.981
<i>Phải thu khách hàng</i>	215.518.780.112	164.300.199.287	215.518.780.112	164.300.199.287
<i>Phải thu về cho vay</i>	67.878.793.683	57.973.793.233	67.878.793.683	57.973.793.233
<i>Phải thu khác</i>	119.450.505.803	100.075.825.461	119.450.505.803	100.075.825.461
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	351.349.399.495	436.547.314.897	351.349.399.495	436.547.314.897
Chứng khoán kinh doanh	4.190.000.000	-	4.190.000.000	-
Cho vay ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	315.762.749.369	264.299.550.814	315.762.749.369	264.299.550.814
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.396.650.126	172.247.764.083	31.396.650.126	172.247.764.083
Tổng cộng	754.197.479.093	758.897.132.878	754.197.479.093	758.897.132.878
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính	1.240.042.646.777	1.115.138.237.667	1.240.042.646.777	1.115.138.237.667
Vay và nợ	801.956.583.863	779.858.430.993	801.956.583.863	779.858.430.993
Phải trả người bán	150.568.483.808	123.042.830.719	150.568.483.808	123.042.830.719
Phải trả khác	287.517.579.106	212.236.975.955	287.517.579.106	212.236.975.955
Tổng cộng	1.240.042.646.777	1.115.138.237.667	1.240.042.646.777	1.115.138.237.667

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.3 Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty TNHH Đông Phong
 Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC
 Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cùng chung người quản lý chủ chốt
 Cùng chung người quản lý chủ chốt
 Lãnh đạo chủ chốt

b) Các giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Doanh thu	415.823.737.422	309.309.942.808
Công ty TNHH Đông Phong	9.419.880.079	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	406.403.857.343	309.309.942.808
Mua hàng	582.910.325.564	679.284.436.456
Công ty TNHH Đông Phong	19.496.080.120	30.311.677.198
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	563.414.245.444	648.972.759.258

c) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Các khoản phải thu khách hàng	8.196.790.091	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	8.196.790.091	-
Các khoản trả trước cho người bán	84.739.011.399	12.166.022.910
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	84.739.011.399	12.166.022.910
Các khoản phải trả người bán	2.137.414.366	6.425.160.819
Công ty TNHH Đông Phong	2.137.414.366	6.425.160.819
Các khoản phải thu về cho vay	90.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Đông Phong	90.000.000	90.000.000
Các khoản phải thu khác	76.306.182	8.446.430.510
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC	-	8.370.124.328
Công ty TNHH Đông Phong	76.306.182	76.306.182

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lương và tiền thưởng BGD, Hội đồng Quản trị	1.268.683.333	1.151.852.152
Cộng	1.268.683.333	1.151.852.152

8.4 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có thực hiện bảo lãnh cho Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC vay vốn theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 27988.17.755.1188096.TD ngày 21 tháng 11 năm 2017 và hợp đồng cho vay số 93.17.755.1188096 ngày 26 tháng 06 năm 2017 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Thái Bình với Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC, số dư vay là 49.737.457.840 đồng (tương đương 2.140.166 USD) đảm bảo bằng tài sản là các giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành được Công ty Cổ phần DamSan bảo lãnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Mẫu số B 09 - DN/HN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

8.5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện bất thường nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế. Một số số liệu trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình Công ty bày lại theo đúng chi tiết đối tượng. Cụ thể:

	31/12/2017	01/01/2018
	(VND)	Trình bày lại (VND)
Phải thu khác		
a) Ngắn hạn	96.468.922.911	96.468.922.911
Bảo hiểm xã hội	294.752.631	294.752.631
Tạm ứng	10.082.464.361	10.082.464.361
Ký cược, ký quỹ	1.247.524.872	1.247.524.872
Phải thu khác	84.844.181.047	84.844.181.047
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình</i>	<i>2.598.021.000</i>	<i>632.207.000</i>
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>13.059.730.915</i>	<i>13.059.730.915</i>
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình</i>	<i>7.071.411.542</i>	<i>7.071.411.542</i>
<i>Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình</i>	<i>3.492.103.922</i>	<i>3.490.611.275</i>
<i>Sở Tài chính Tỉnh Thái Bình</i>	<i>45.977.047.946</i>	<i>45.977.047.946</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC</i>	<i>8.370.124.328</i>	<i>8.370.124.328</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>4.275.741.394</i>	<i>6.875.255.041</i>
a) Dài hạn	-	-
Cộng	96.468.922.911	96.468.922.911
Phải thu về cho vay		
	31/12/2017	01/01/2018
	(VND)	Trình bày lại (VND)
a) Ngắn hạn	57.973.793.233	57.973.793.233
Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình (i)	31.830.886.226	51.703.270.608
+ Dự án Quang Trung	31.830.886.226	30.573.860.277
+ Dự án Phú Xuân	-	21.129.410.331
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (ii)	25.237.907.007	4.149.541.428
+ Dự án Phú Xuân	21.088.365.579	-
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bồ Xuyên	2.372.275.700	2.372.275.700
Tổ chức cá nhân khác	905.000.000	2.120.981.197
b) Dài hạn	-	-
Cộng	57.973.793.233	57.973.793.233

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô 4A, Đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình


BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN/HN

Nợ xấu	31/12/2017 (VND)		01/01/2018 Trình bày lại (VND)		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	8.340.300.658	293.416.587	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	-	-
Từ 1 năm đến 2 năm	-	-	358.940.340	251.258.238	107.682.102
Từ 2 năm đến 3 năm	-	-	1.296.993.560	648.496.780	648.496.780
Trên 3 năm	8.340.300.658	293.416.587	6.341.853.529	406.650.711	948.851.660
GHULAM RABBANI AND CO	779.826.357	-	833.194.874	-	833.194.874
SOFEE NE ENTERPRISES	712.276.187	-	761.021.813	-	761.021.813
LGW Limited	510.752.565	-	545.706.638	-	545.706.638
SAURASHATRA COTTON & AGRO PRODUCTS PVT., LTD	405.703.253	-	405.703.253	-	405.703.253
Đối tượng khác	5.931.742.296	293.416.587	3.796.226.951	-	3.796.226.951
Cộng	8.340.300.658	293.416.587	9.353.289.800	1.306.405.729	8.046.884.071

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Xuân Chiến

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Xuân Chiến

Thái Bình, ngày 06 tháng 04 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Huy Đông

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Huy Đông